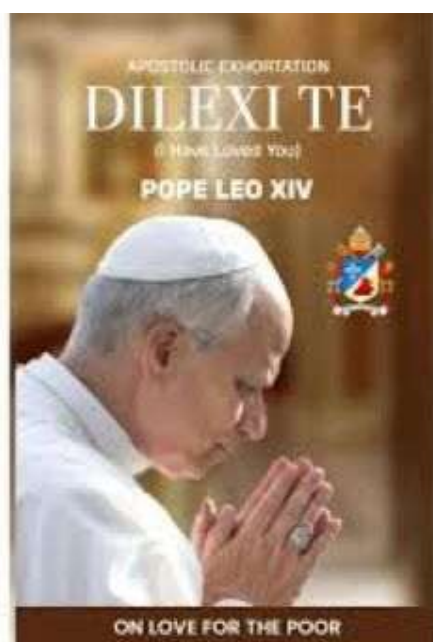


TÔNG HUẤN DILEXI TE CỦA ĐỨC LÊÔ XIV VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG NGƯỜI NGHÈO



Vũ Văn An

Chuyển ngữ

1. “Ta đã yêu thương con” (*Kh 3:9*). Chúa phán những lời này với một cộng đồng Kitô hữu, không giống như một số cộng đồng khác, không có ảnh hưởng hay nguồn lực, và thay vào đó bị đối xử bằng bạo lực và khinh miệt: “Người chỉ có ít quyền lực... Ta sẽ bắt chúng đến phủ phục dưới chân người” (*Kh 3:8-9*). Đoạn văn này nhắc chúng ta nhớ đến lời thánh ca của Đức Maria: “Chúa hạ bệ những kẻ quyền thế, và nâng cao những kẻ khiêm nhường; Người ban của đầy dư cho kẻ đói nghèo, và đuổi người giàu có về tay trắng” (*Lc 1:52-53*).

2. Lời tuyên bố tình yêu này, được trích từ Sách Khải Huyền, phản ánh màu nhiệm vô tận mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã suy tư trong Thông điệp *Dilexit Nos* về tình yêu nhân loại và thần linh của trái tim Chúa Giêsu Kitô. Ở đó, chúng ta thấy Chúa Giêsu đã đồng nhất mình với “những tầng lớp thấp kém nhất của xã hội” và bằng tình yêu tuôn đổ đến cùng, Người khẳng định phẩm giá của mỗi con người, đặc biệt là khi “họ yếu đuối, bị khinh miệt, hoặc đau khổ”. [1] Khi chiêm ngắm tình yêu của Chúa Kitô, “chúng ta cũng được thôi thúc để quan tâm hơn đến những đau khổ và nhu cầu của tha nhân, và được củng cố trong nỗ lực chia sẻ công cuộc giải phóng của Người như những khí cụ để lan truyền tình yêu của Người.” [2]

3. Vì lý do này, tiếp nối Thông điệp *Dilexit Nos*, trong những tháng cuối đời, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã soạn thảo Tông huấn về việc Giáo hội chăm sóc người nghèo, với tựa đề *Dilexi Te*, như thể Chúa Kitô đang nói những lời này với từng người trong số họ: “Người chỉ có chút quyền năng,” vậy mà “Ta đã yêu thương người” (*Kh 3:9*). Tôi rất vui mừng được lấy văn kiện này làm của riêng mình — thêm vào một vài suy tư — và ban hành nó vào đầu triều đại giáo hoàng của tôi, vì tôi chia sẻ mong muốn của vị tiền nhiệm kính yêu của tôi rằng tất cả các Kitô hữu đều hiểu được mối liên hệ mật thiết giữa tình yêu của Chúa Kitô và lời kêu gọi chăm sóc người nghèo của Người. Tôi cũng cho rằng việc nhấn mạnh vào con đường nên thánh này là điều thiết yếu, bởi vì “trong lời kêu gọi nhận ra Người nơi người nghèo và người đau khổ, chúng ta thấy được chính trái tim của Chúa Kitô, những tình cảm và lựa chọn sâu sắc nhất của Người, mà mọi thánh nhân đều tìm cách noi theo.” [3]

2. CHƯƠNG MỘT: MỘT VÀI LỜI CHÍNH YẾU

4. Các môn đệ của Chúa Giêsu đã chỉ trích người phụ nữ đổ dầu thơm đắt tiền lên đầu Người. Họ nói: “Sao lại phí phạm như vậy? Dầu thơm này có thể bán được một số tiền lớn, rồi lấy tiền đó mà bố thí cho người nghèo.” Tuy nhiên, Chúa Giêsu đáp lại họ: “Các người lúc nào cũng có người nghèo bên cạnh, còn Ta thì các người không có Ta mãi đâu” (*Mt 26:8-9,11*). Người phụ nữ ấy đã nhìn thấy nơi Chúa Giêsu Đấng Mê-xi-a khiêm nhường và đau khổ, Đấng mà trên Người bà có thể đổ tràn tình yêu thương. Sự xúc dầu ấy hẳn đã mang lại biết bao an ủi cho chính cái đầu mà chỉ vài ngày nữa sẽ bị gai đâm! Dĩ nhiên, đó chỉ là một cử chỉ nhỏ bé, nhưng những ai đang đau khổ mới biết một cử chỉ yêu thương nhỏ bé ấy có thể lớn lao và mang lại biết bao

sự khuây khỏa. Chúa Giêsu hiểu điều này và nói với các môn đệ rằng ký ức về cử chỉ của người phụ nữ sẽ tồn tại mãi mãi: “Bất cứ nơi nào Tin Mừng này được rao giảng trên khắp thế giới, việc bà đã làm sẽ được kể lại để nhớ đến bà” (Mt 26:13). Cử chỉ giản dị của người phụ nữ ấy nói lên rất nhiều điều. Không một dấu hiệu yêu thương nào, dù là nhỏ nhất, sẽ không bao giờ bị lãng quên, nhất là khi nó được thể hiện với những người đang đau khổ, cô đơn hoặc túng thiếu, như Chúa Giêsu lúc bấy giờ.

5. Vì vậy, tình yêu dành cho Chúa là một với tình yêu dành cho người nghèo. Chính Chúa Giêsu, Đấng đã nói với chúng ta: “Người nghèo thì anh em luôn có bên mình” (Mt 26:11), cũng hứa với các môn đệ: “Thầy ở cùng anh em mọi ngày” (Mt 28:20). Chúng ta cũng nghĩ đến lời Người nói: “Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25:40). Đây không chỉ là vấn đề lòng tốt thuần túy nhân bản mà là một sự mặc khải: việc tiếp xúc với những người thấp hèn và bất lực là một cách cơ bản để gặp gỡ Chúa của lịch sử. Trong người nghèo, Người tiếp tục nói với chúng ta.

Thánh Phanxicô

6. Giải thích về việc chọn danh hiệu này, Đức Thánh Cha Phanxicô kể lại rằng, sau khi được bầu làm Giáo hoàng, một Hồng Y bạn của ngài đã ôm hôn ngài và nói: “Đừng quên người nghèo!” [4] Đó cũng chính là lời kêu gọi mà các nhà lãnh đạo Giáo hội đã dành cho Thánh Phaolô khi ngài lên Giêrusalem để củng cố sứ mệnh của mình (x. Gl 2,1-10). Nhiều năm sau, vị Tông đồ vẫn có thể khẳng định rằng đây “thực sự là điều tôi đã tha thiết thực hiện” (Gl 2,10). Chăm sóc người nghèo cũng là một mối quan tâm lớn của Thánh Phanxicô Assisi: trong con người của một người phong cùi, chính Chúa Kitô đã ôm lấy Phanxicô và thay đổi cuộc đời ngài. Ngay cả ngày nay, Thánh Phanxicô, với tư cách là Người Nghèo Assisi, vẫn tiếp tục truyền cảm hứng cho chúng ta bằng tấm gương sáng ngời của ngài.

7. Tám thế kỷ sau Thánh Phanxicô đã khơi dậy một làn sóng đổi mới Tin Mừng trong các Kitô hữu và xã hội thời bấy giờ. Giàu có và tự tin, chàng trai trẻ Phanxicô đã bị choáng ngợp và hoán cải nhờ sự tiếp xúc trực tiếp với những người nghèo và những người bị xã hội ruồng bỏ. Câu chuyện cuộc đời ngài tiếp tục thu hút tâm trí và trái tim của những người tin, cũng như nhiều người không tin. Nó đã “thay đổi lịch sử”. [5] Một bước tiến xa hơn trên cùng con đường đó đã được Công đồng Vatican II thực hiện, như Thánh Phaolô VI đã chỉ ra khi ngài nói rằng “dụ ngôn người Samaritanô cổ xưa đã trở thành khuôn mẫu cho linh đạo của Công đồng”. [6] Tôi tin rằng việc ưu tiên lựa chọn người nghèo là nguồn gốc của sự đổi mới phi thường cho cả Giáo hội và xã hội, nếu chúng ta có thể giải thoát bản thân khỏi tính ích kỷ và lắng nghe tiếng kêu của họ.

Tiếng kêu của người nghèo

8. Đoạn Kinh Thánh trong đó Thiên Chúa mặc khải chính mình cho Môsê trong bụi gai đang cháy có thể là điểm khởi đầu thường xuyên cho nỗ lực này. Ở đó, Người phán: “Ta đã thấy cảnh khốn khổ của dân Ta bên Ai Cập; Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Ta biết nỗi đau khổ của chúng, và Ta xuống giải thoát chúng... Vậy hãy đến, Ta sẽ sai người” (Xh 3:7-8,10). [7] Như vậy, Thiên Chúa cho thấy sự quan tâm của Người đối với nhu cầu của người nghèo: “Khi con cái Ít-ra-en kêu lên Đức Chúa, Người đã cho xuất hiện một vị cứu tinh cho họ” (Tl 3:15). Khi lắng nghe tiếng kêu của người nghèo, chúng ta được mời gọi bước vào trái tim của Thiên Chúa, Đấng luôn quan tâm đến nhu cầu của con cái Người, đặc biệt là những người túng thiếu nhất. Nếu chúng ta không đáp lại tiếng kêu ấy, người nghèo rất có thể sẽ kêu lên Chúa chống lại chúng ta, và chúng ta sẽ mang tội (x. Dnl 15:9) và quay lưng lại với chính trái tim của Thiên Chúa.

9. Tình trạng của người nghèo là một tiếng kêu, trong suốt lịch sử nhân loại, liên tục thách thức cuộc sống, xã hội, hệ thống chính trị và kinh tế của chúng ta, và không kém phần quan trọng, là Giáo hội. Trên những khuôn mặt bị tổn thương của người nghèo, chúng ta thấy nỗi đau khổ của những người vô tội, và do đó, nỗi đau khổ của chính Chúa Kitô. Đồng thời, có lẽ chúng ta nên nói đúng hơn về nhiều khuôn mặt của người nghèo và về sự nghèo đói, vì nó là một hiện tượng đa diện. Thực tế, có rất nhiều hình thức nghèo đói: sự nghèo đói của những người thiếu thốn phương tiện vật chất để sinh tồn, sự nghèo đói của những người bị gạt ra ngoài lề xã hội và thiếu phương tiện để lên tiếng cho phẩm giá và khả năng của mình, sự nghèo đói về đạo đức và tinh thần, sự nghèo đói về văn hóa, sự nghèo đói của những người thấy mình trong tình trạng yếu đuối hoặc mong manh về mặt bản thân hoặc xã hội, sự nghèo đói của những người không có quyền, không có không gian, không có tự do.

10. Theo nghĩa này, có thể nói rằng cam kết đối với người nghèo và xóa bỏ các nguyên nhân xã hội và cấu trúc của nghèo đói đã trở nên quan trọng trong những thập niên gần đây, nhưng vẫn chưa đủ. Điều này cũng đúng bởi vì xã hội của chúng ta thường ưu tiên các tiêu chuẩn định hướng cuộc sống và chính trị vốn mang nhiều bất bình đẳng. Kết quả là, những hình thức nghèo đói cũ mà chúng ta đã nhận thức được và đang cố gắng chống lại đang bị xen lẫn bởi những hình thức mới, đôi khi tinh vi và nguy hiểm hơn. Từ điểm nhìn này, thật đáng hoan nghênh khi Liên Hiệp Quốc đã đưa việc xóa đói giảm nghèo trở thành một trong những Mục tiêu Thiên niên kỷ của mình.

11. Một cam kết cụ thể đối với người nghèo cũng phải đi kèm với một sự thay đổi trong não trạng, điều này có thể tác động đến bình diện văn hóa. Thực tế, ảo tưởng về hạnh phúc bắt nguồn từ một cuộc sống sung túc đã đẩy nhiều người đến một quan điểm sống tập trung vào việc tích lũy của cải và thành công xã hội bằng mọi giá, thậm chí gây tổn hại đến người khác và lợi dụng những lý tưởng xã hội bất công và các hệ thống chính trị - kinh tế thiên vị kẻ mạnh. Do đó, trong một thế giới mà người nghèo ngày càng đông đảo, nghịch lý thay, chúng ta lại chứng kiến sự phát triển của một tầng lớp tinh hoa giàu có,

sống trong bong bóng tiện nghi và xa hoa, gần như ở một thế giới khác so với người dân thường. Điều này có nghĩa là vẫn còn tồn tại một nền văn hóa – đôi khi được nguy trang khéo léo – chối bỏ người khác mà không hề hay biết và thờ ơ chấp nhận hàng triệu người chết đói hoặc sống trong những điều kiện không phù hợp với con người. Vài năm trước, bức ảnh một đứa trẻ nằm bất động trên bãi biển Địa Trung Hải đã gây xôn xao dư luận; thật không may, ngoài một số phản ứng nhất thời, những sự kiện tương tự đang ngày càng trở nên không còn liên quan và bị coi là những tin tức bên lề.

12. Chúng ta không được lơ là cảnh giác khi nói đến nghèo đói. Chúng ta nên đặc biệt quan tâm đến những điều kiện nghiêm trọng mà nhiều người đang phải đối diện do thiếu lương thực và nước uống. Ngay cả ở các nước giàu có, số lượng người nghèo ngày càng tăng cũng là một mối lo ngại không kém. Ở châu Âu, ngày càng nhiều gia đình không đủ tiền để sống qua ngày. Nhìn chung, chúng ta đang chứng kiến sự gia tăng của nhiều loại nghèo đói khác nhau, không còn là một thực tế đơn lẻ, đồng nhất mà giờ đây bao gồm nhiều hình thức bản cùng hóa kinh tế và xã hội, phản ánh sự lan rộng của bất bình đẳng ngay cả trong bối cảnh phần lớn là giàu có. Chúng ta đừng quên rằng “Những người nghèo gấp đôi là những phụ nữ phải chịu đựng hoàn cảnh bị loại trừ, ngược đãi và bạo lực, vì họ thường ít có khả năng bảo vệ quyền lợi của mình. Tuy nhiên, chúng ta vẫn liên tục chứng kiến trong số họ những tấm gương anh hùng hàng ngày đáng kinh ngạc trong việc bảo vệ và che chở cho gia đình để bị tổn thương của họ.” [8] Mặc dù những thay đổi đáng kể đang diễn ra ở một số quốc gia, “tổ chức xã hội trên toàn thế giới vẫn chưa phản ánh rõ ràng rằng phụ nữ có cùng phẩm giá và quyền lợi như nam giới. Chúng ta nói một đằng, nhưng quyết định và thực tại lại nói một nẻo,” [9] đặc biệt nếu chúng ta xem xét số lượng phụ nữ thực sự đang trong cảnh bản cùng.

Những định kiến ý thức hệ

13. Nhìn xa hơn dữ liệu — đôi khi bị “diễn giải” để thuyết phục chúng ta rằng tình trạng của người nghèo không quá nghiêm trọng — thực tại chung khá rõ ràng: “Một số quy tắc kinh tế đã chứng tỏ hiệu quả đối với tăng trưởng, nhưng không phải đối với phát triển con người toàn diện. Của cải đã tăng lên, nhưng đi kèm với bất bình đẳng, dẫn đến ‘các hình thức nghèo đói mới đang xuất hiện.’ Tuyên bố rằng thế giới hiện đại đã giảm nghèo đói được đưa ra bằng cách đo lường nghèo đói bằng các tiêu chuẩn từ quá khứ không tương ứng với thực tại ngày nay. Ví dụ, vào những thời điểm khác, việc thiếu khả năng tiếp cận năng lượng điện không được coi là dấu hiệu của nghèo đói, cũng không phải là nguồn gốc của khó khăn. Nghèo đói luôn phải được hiểu và đánh giá trong bối cảnh các cơ hội thực tế có sẵn trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.” [10] Tuy nhiên, nhìn xa hơn các tình huống và bối cảnh cụ thể, một tài liệu năm 1984 của Cộng đồng Châu Âu đã tuyên bố rằng “‘người nghèo’ sẽ được hiểu là những cá nhân, gia đình và nhóm người có nguồn lực (vật chất, văn hóa và xã hội) hạn chế đến mức loại trừ họ khỏi lối sống tối thiểu có thể chấp nhận được ở các quốc gia thành viên nơi họ sinh sống.” [11] Tuy nhiên, nếu chúng ta thừa nhận rằng tất cả mọi người đều có phẩm giá như nhau, bất kể nơi sinh của họ, thì những khác biệt to lớn hiện hữu giữa các quốc gia và khu vực không thể bị bỏ qua.

14. Người nghèo không phải ngẫu nhiên hay do số phận mù quáng và tàn nhẫn. Đối với hầu hết họ, nghèo đói không phải là một sự lựa chọn. Tuy nhiên, vẫn có những người dám khẳng định điều này, qua đó bộc lộ sự mù quáng và tàn nhẫn của chính họ. Tất nhiên, trong số những người nghèo cũng có những người không muốn làm việc, có lẽ vì tổ tiên của họ, những người đã làm việc cả đời, đã chết trong nghèo đói. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều người khác - cả nam lẫn nữ - vẫn làm việc từ sáng đến tối, có lẽ là nhặt nhạnh những thứ vụn vặt, mặc dù họ biết rằng công việc khó khăn của họ chỉ giúp họ sống qua ngày chứ không bao giờ thực sự cải thiện cuộc sống. Cũng không thể nói rằng hầu hết người nghèo là như vậy vì họ không "xứng đáng" được hưởng những điều khác, như quan điểm sai lầm về chế độ trọng dụng nhân tài, chỉ coi những người thành đạt là "xứng đáng".

15. Cả các Kitô hữu, trong nhiều trường hợp, cũng đã sa vào những thái độ bị định hình bởi các ý thức hệ thế tục hoặc các cách tiếp cận chính trị và kinh tế, dẫn đến những khái quát hóa thô thiển và những kết luận sai lầm. Việc một số người bác bỏ hoặc chế giễu các công việc bác ái, như thể chúng là nỗi ám ảnh của một số ít người chứ không phải là trái tim cháy bỏng của sứ mệnh Giáo hội, khiến tôi tin chắc rằng cần phải quay lại và đọc lại Tin Mừng, kéo chúng ta có nguy cơ thay thế Tin Mừng bằng sự khôn ngoan của thế gian này. Người nghèo không thể bị lãng quên nếu chúng ta muốn duy trì dòng chảy lớn lao của đời sống Giáo hội, một dòng chảy bắt nguồn từ Tin Mừng và sinh hoa trái ở mọi thời đại và mọi nơi.

CHƯƠNG HAI: THIÊN CHÚA CHỌN NGƯỜI NGHÈO

Sự lựa chọn người nghèo

16. Thiên Chúa là tình yêu thương xót, và kế hoạch yêu thương của Người, được triển khai và hoàn thành trong lịch sử, trước hết là sự giáng thế và đến giữa chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ, sợ hãi, tội lỗi và quyền lực của sự chết. Hướng đến thân phận con người của họ bằng ánh mắt thương xót và trái tim tràn đầy tình yêu, Người đã hướng về các thụ tạo của Người và nhờ đó đã chăm sóc cho sự nghèo khó của họ. Chính để chia sẻ những giới hạn và sự mong manh của bản chất con người chúng ta, chính Người đã trở nên nghèo khó và sinh ra trong xác thịt như chúng ta. Chúng ta đã biết Người trong sự nhỏ bé của một hài nhi nằm trong máng cỏ và trong sự sỉ nhục tột cùng trên thập giá, nơi Người chia sẻ sự nghèo khó tận căn của chúng ta, tức là cái chết. Vì vậy, thật dễ hiểu tại sao chúng ta cũng có thể nói về mặt thần học về một lựa chọn ưu tiên của Thiên Chúa dành cho người nghèo, một biểu hiện nảy sinh trong bối cảnh lục địa Mỹ Latinh và đặc biệt là trong Phiên họp Puebla, nhưng đã được tích hợp tốt vào các giáo huấn sau này của Giáo hội. [12] “Sự ưu tiên” này không bao giờ ám chỉ sự loại trừ hay phân biệt đối xử đối với các nhóm khác, điều mà Thiên Chúa không thể làm được. Nó có nghĩa là nhấn mạnh đến hành động của Thiên Chúa, được thúc đẩy bởi lòng cảm thương đối với sự nghèo khó và yếu đuối của toàn thể nhân loại. Muốn khai mở một vương quốc

công lý, tình huynh đệ và liên đới, Thiên Chúa dành một vị trí đặc biệt trong trái tim Người cho những người bị phân biệt đối xử và áp bức, và Người yêu cầu chúng ta, Giáo hội của Người, thực hiện một hành động quyết liệt và triệt để sự lựa chọn có lợi cho kẻ yếu nhất.

17. Chính trong quan điểm này, chúng ta hiểu được vô số trang Cựu Ước, trong đó Thiên Chúa được trình bày như là bạn hữu và là Đấng giải thoát người nghèo, Đấng lắng nghe tiếng kêu của người nghèo và can thiệp để giải thoát họ (x. Tv 34:7). Thiên Chúa, nơi nương náu của người nghèo, tố cáo qua các ngôn sứ – chúng ta đặc biệt nhớ đến Amos và Isaia – những bất công đối với những người yếu đuối nhất, và khuyên nhủ Israel hãy canh tân việc thờ phượng từ bên trong, bởi vì người ta không thể cầu nguyện và dâng lễ vật trong khi áp bức những người yếu đuối và nghèo khổ nhất. Ngay từ đầu Kinh Thánh, tình yêu của Thiên Chúa được thể hiện sống động qua việc Người bảo vệ những người yếu đuối và người nghèo, đến mức có thể nói rằng Người có một tình cảm đặc biệt dành cho họ. “Trái tim Thiên Chúa dành một vị trí đặc biệt cho người nghèo... Toàn bộ lịch sử cứu độ của chúng ta được đánh dấu bằng sự hiện diện của người nghèo.” [13]

Chúa Giêsu, Đấng Mê-xi-a nghèo khó

18. Lịch sử Cựu Ước về tình yêu ưu ái của Thiên Chúa dành cho người nghèo và sự sẵn lòng lắng nghe tiếng kêu của họ – mà tôi đã đề cập ngắn gọn – đã được ứng nghiệm nơi Chúa Giêsu thành Nadarét. [14] Qua việc Nhập Thể, Người “đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân” (Pl 2,7), và trong hình hài đó, Người đã mang đến ơn cứu độ cho chúng ta. Sự nghèo khó của Người là một sự nghèo khó triệt để, bắt nguồn từ sứ mệnh mặc khải trọn vẹn tình yêu của Thiên Chúa dành cho chúng ta (x. Ga 1,18; 1 Ga 4,9). Như Thánh Phaolô đã diễn tả một cách vắn tắt nhưng đầy ấn tượng: “Anh em biết rõ ân sủng của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, là Người vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để nhờ sự nghèo khó của Người, anh em được trở nên giàu có” (2 Cr 8,9).

19. Tin Mừng cho chúng ta thấy rằng sự nghèo khó đã in đậm trong mọi khía cạnh của cuộc đời Chúa Giêsu. Ngay từ lúc Người bước vào thế gian, Chúa Giêsu đã nếm trải kinh nghiệm cay đắng của sự từ chối. Thánh sử Luca kể lại việc Thánh Giuse và Đức Maria sắp sinh con đã đến Bêlem, rồi nói thêm một cách chua xót rằng “không có chỗ cho họ trong quán trọ” (Lc 2,7). Chúa Giêsu sinh ra trong một hoàn cảnh nghèo nàn và được đặt nằm trong máng cỏ; sau đó, để cứu Người khỏi bị giết, hai ông bà đã trốn sang Ai Cập (x. Mt 2,13-15). Vào buổi bình minh của sứ vụ công khai, sau khi loan báo trong hội đường Nadarét rằng năm ân sủng sẽ mang lại niềm vui cho người nghèo đã được hoàn thành nơi Người, Người đã bị đuổi khỏi thành (x. Lc 4,14-30). Người chết như một người bị ruồng bỏ, bị dẫn ra khỏi Giêrusalem để chịu đóng đinh (x. Mc 15,22). Thật vậy, đó là cách mô tả hay nhất về sự nghèo khó của Chúa Giêsu: Người đã trải qua cùng một sự loại trừ là số phận của người nghèo, người bị xã hội ruồng bỏ. Chúa Giêsu là biểu hiện của đặc quyền nghèo đói này. Người tự giới thiệu mình với thế gian không chỉ là một Đấng Mê-xi-a

nghèo khó, mà còn là Đấng Mê-xi-a của và cho người nghèo.

20. Có một số manh mối về địa vị xã hội của Chúa Giêsu. Trước hết, Người làm nghề thợ thủ công hoặc thợ mộc, téktôn (x. *Mc* 6:3). Đây là những người kiếm sống bằng lao động chân tay. Không có đất đai, họ bị coi là thấp kém hơn nông dân. Khi Hai Nhi Giêsu được Thánh Giuse và Đức Maria dâng trong Đền Thờ, cha mẹ Người đã dâng một cặp chim gáy hoặc chim bồ câu (x. *Lc* 2:22-24), mà theo quy định của Sách Lêvi (x. *Mc* 12:8), đó là lễ vật của người nghèo. Một đoạn khá quan trọng trong Ti Mừng kể về việc Chúa Giêsu, cùng với các môn đệ, đã nhặt bông lúa để ăn khi họ đi qua các cánh đồng (x. *Mc* 2:23-28). Chỉ những người nghèo mới được phép mót lúa trên đồng. Hơn nữa, Chúa Giêsu nói về chính mình: “Con cáo có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu” (*Mt* 8:20; *Lc* 9:58). Thực vậy, Người là một vị thầy lưu động, sự nghèo khó và bấp bênh của Người là dấu chỉ mối liên hệ với Chúa Cha. Chúng cũng là điều kiện cho những ai muốn theo Người trên con đường làm môn đệ. Bằng cách này, việc từ bỏ của cải, tiền bạc và sự an toàn trần tục trở thành dấu chỉ hữu hình của việc phó thác bản thân cho Thiên Chúa và sự quan phòng của Người.

21. Vào đầu sứ vụ công khai, Chúa Giêsu đã xuất hiện trong hội đường Nadarét, đọc sách tiên tri Isaia và áp dụng lời của tiên tri vào chính mình: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Người đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho người nghèo khó” (*Lc* 4:18; x. *Is* 61:1). Như vậy, Người tỏ mình ra là Đấng, ngay tại đây và bây giờ của lịch sử, đến để thực hiện sự gần gũi yêu thương của Thiên Chúa, trên hết là công trình giải thoát cho những ai bị giam cầm bởi sự dữ, cho những người yếu đuối và nghèo khó. Những dấu chỉ đi kèm với lời rao giảng của Chúa Giêsu là biểu hiện của tình yêu và lòng cảm thương mà với chúng Thiên Chúa chăm sóc những người bệnh tật, người nghèo và tội nhân, những người, vì hoàn cảnh của họ, đã bị xã hội và ngay cả những người có đức tin gạt ra ngoài lề. Người mở mắt người mù, chữa lành người phong hủi, làm cho kẻ chết sống lại và loan báo Tin Mừng cho người nghèo: Thiên Chúa ở gần, Thiên Chúa yêu thương anh em (x. *Lc* 7,22). Điều này giải thích tại sao Người tuyên bố: “Phúc cho anh em là những người nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em” (*Lc* 6,20). Thiên Chúa tỏ ra ưu ái người nghèo: những lời hy vọng và giải thoát của Chúa trước hết được ngỏ cùng họ. Vì vậy, ngay cả trong cảnh nghèo khó và yếu đuối của họ, không ai nên cảm thấy bị bỏ rơi. Và Giáo Hội, nếu muốn là Giáo Hội của Chúa Kitô, phải là một Giáo Hội của các Mối Phúc, một Giáo Hội dành chỗ cho những người bé mọn và đồng hành với người nghèo, một nơi mà người nghèo có một vị trí đặc quyền (x. *Gc* 2:2-4).

22. Vào thời đó, những người túng thiếu và đau yếu, thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, thường xuyên bị buộc phải ăn xin. Do đó, họ phải gánh thêm gánh nặng của sự xấu hổ xã hội, do niềm tin rằng bệnh tật và nghèo đói bằng cách nào đó có liên quan đến tội lỗi bản thân. Chúa Giêsu đã kiên quyết phản đối náo trạng này bằng cách khẳng định rằng Thiên Chúa “cho mặt trời mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như người bất chính” (*Mt* 5:45). Thật vậy, Người đã hoàn toàn đảo ngược quan niệm đó, như chúng ta thấy từ đoạn kết của dụ ngôn

người giàu có và Ladarô: “Hỡi con, hãy nhớ lại: suốt đời con, con đã nhận được phần phước của mình, còn Ladarô thì phải chịu toàn bất hạnh. Giờ đây, anh ấy được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu đau khổ” (Lc 16:25).

23. Vậy thì rõ ràng rằng “niềm tin của chúng ta vào Chúa Kitô, Đấng đã trở nên nghèo khó và luôn gần gũi với người nghèo và người bị ruồng bỏ, là nền tảng cho mối quan tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của những thành viên bị lãng quên nhất trong xã hội.” [15] Tôi thường tự hỏi, mặc dù giáo huấn của Kinh Thánh rất rõ ràng về người nghèo, tại sao nhiều người vẫn tiếp tục nghĩ rằng họ có thể yên tâm bỏ qua người nghèo. Tuy nhiên, bây giờ, chúng ta hãy tiếp tục suy gẫm về những gì Kinh Thánh nói với chúng ta về mối quan hệ của chúng ta với người nghèo và vị trí thiết yếu của họ trong dân Thiên Chúa.

Lòng thương xót đối với người nghèo trong Kinh Thánh

24. Thánh Tông đồ Gioan viết: “Ai không yêu thương anh em mình mà mình trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà mình không trông thấy” (1 Ga 4:20). Tương tự như vậy, khi trả lời câu hỏi của người thông luật, Chúa Giêsu đã trích dẫn hai điều răn cổ xưa: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực người” (Đnl 6:5), và “Người phải yêu người lân cận như chính mình” (Lv 19:18), hợp nhất chúng thành một điều răn duy nhất. Thánh sử Máccô thuật lại câu trả lời của Chúa Giêsu như sau: “Điều răn thứ nhất là: ‘Nghe đây, hỡi Israel: Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực người. Điều răn thứ hai là: ‘Người phải yêu người lân cận như chính mình.’ Không có điều răn nào khác lớn hơn hai điều răn đó” (12:29-31).

25. Đoạn trích từ Sách Lê-vi dạy chúng ta phải yêu thương người lân cận, trong khi các văn bản khác lại kêu gọi sự tôn trọng – nếu không muốn nói là yêu thương – ngay cả đối với kẻ thù: “Khi người gặp bò hay lừa của kẻ thù người đi lạc, người phải dắt nó về. Khi người thấy lừa của kẻ ghét người bị thương nặng mà người không muốn cứu, thì người phải giúp đỡ để cứu nó” (Xh 23:4-5). Ở đây, giá trị nội tại của sự tôn trọng người khác được nêu rõ: bất cứ ai gặp khó khăn, ngay cả kẻ thù, luôn xứng đáng được chúng ta giúp đỡ.

26. Lời dạy của Chúa Giêsu về tính ưu việt của tình yêu đối với Thiên Chúa được bổ sung rõ ràng bằng lời khẳng định của Người rằng người ta không thể yêu Thiên Chúa nếu không mở rộng tình yêu thương đối với người nghèo. Tình yêu thương dành cho tha nhân là bằng chứng hữu hình cho thấy tình yêu đích thực của chúng ta dành cho Thiên Chúa, như thánh Tông đồ Gioan đã chứng thực: “Thiên Chúa chưa bao giờ được thấy. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo... Thiên Chúa là tình yêu: ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (1 Ga 4,12-16). Hai tình yêu này tuy

khác biệt nhưng không thể tách rời. Ngay cả trong những trường hợp không có sự ám chỉ rõ ràng đến Thiên Chúa, chính Chúa Giêsu dạy rằng mỗi hành động yêu thương dành cho tha nhân, theo một cách nào đó, đều phản ánh đức ái của Thiên Chúa: “Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25,40).

27. Vì lý do này, các việc bác ái được khuyến khích như một dấu chỉ cho thấy sự thờ phượng đích thực, vừa ca ngợi Thiên Chúa, vừa có nhiệm vụ mở lòng chúng ta ra cho sự biến đổi mà Chúa Thánh Thần có thể thực hiện trong chúng ta, để tất cả chúng ta có thể trở thành hình ảnh của Chúa Kitô và lòng thương xót của Người đối với những người yếu đuối nhất. Theo nghĩa này, mỗi quan hệ của chúng ta với Chúa, được thể hiện trong việc thờ phượng, cũng nhằm mục đích giải thoát chúng ta khỏi nguy cơ sống các mối quan hệ của mình theo luận lý học tính toán và tư lợi. Thay vào đó, chúng ta mở lòng đón nhận sự nhưng không bao quanh những người yêu thương nhau và do đó, chia sẻ mọi thứ làm của chung. Về phương diện này, Chúa Giêsu khuyên: “Khi con đãi tiệc hay đãi khách, đừng mời bạn bè, anh em, bà con hay láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại con, và con được trả lại. Nhưng khi con đãi tiệc, hãy mời những người nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù, và con sẽ được phúc, vì họ không có gì trả lại cho con” (Lc 14:12-14).

28. Lời Chúa kêu gọi hãy tỏ lòng thương xót người nghèo đạt đến tuyệt đỉnh trong dụ ngôn vĩ đại về ngày phán xét cuối cùng (x. Mt 25:31-46), có thể là một minh họa sống động về Phúc của người có lòng thương xót. Trong dụ ngôn đó, Chúa trao cho chúng ta chìa khóa để thành toàn cuộc sống; thực vậy, “nếu chúng ta tìm kiếm sự thánh thiện làm đẹp mắt Thiên Chúa, đoạn văn này đưa ra cho chúng ta một tiêu chuẩn rõ ràng mà dựa vào đó chúng ta sẽ bị phán xét.” [16] Những lời rõ ràng và mạnh mẽ của Tin Mừng phải được thực hành “mà không có bất cứ ‘nếu’ hay ‘nhưng’ nào có thể làm giảm bớt sức mạnh của chúng. Chúa chúng ta đã nói rất rõ rằng sự thánh thiện không thể được hiểu hay sống tách biệt khỏi những đòi hỏi này.” [17]

29. Trong cộng đồng Kitô giáo sơ khai, các hành vi bác ái được thực hiện không dựa trên những nghiên cứu sơ bộ hay kế hoạch trước, mà trực tiếp noi theo gương Chúa Giêsu như được trình bày trong Tin Mừng. Thư của Thánh Giacôbê bàn luận sâu sắc về vấn đề mối quan hệ giữa người giàu và người nghèo, và đặt ra cho các tín hữu hai câu hỏi để kiểm tra tính xác thực của đức tin của họ: “Hỡi anh em, nếu anh em nói rằng mình có đức tin mà không có việc làm, thì nào có ích gì? Đức tin có thể cứu anh em được sao? Nếu có anh em hay chị em nào trần truồng và thiếu của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em nói với họ: ‘Hãy đi bình an, mặc ấm và ăn cho no’, nhưng anh em lại không cung cấp cho những nhu cầu thể xác của họ, thì điều đó có ích gì? Vậy đức tin tự nó chết, nếu không có việc làm” (2:14-17).

30. Thánh Giacôbê tiếp tục nói: “Vàng bạc của anh em đã rỉ sét, và rỉ sét của chúng sẽ là bằng chứng buộc tội anh em, và nó sẽ ăn mòn xác thịt anh em như lửa. Anh em đã tích trữ kho báu cho những ngày sau hết. Nay! Tiền công của những người gặt lúa trên cánh đồng

của anh em, mà anh em đã gian lận, đang kêu lên, và tiếng kêu của những người gặt lúa đã thấu đến tai Chúa các đạo binh. Anh em đã sống trên thế gian này trong xa hoa và lạc thú, anh em đã làm cho lòng mình no nê trong ngày sát hại” (5:3-5). Đây là những lời mạnh mẽ, ngay cả khi chúng ta không muốn nghe chúng! Một lời kêu gọi tương tự có thể được tìm thấy trong Thư thứ nhất của Thánh Gioan: “Nếu ai có của cải thế gian mà thấy anh em mình đang túng thiếu mà lại không giúp đỡ thì làm sao tình yêu Thiên Chúa ở lại trong người ấy được?” (3:17).

31. Sứ điệp của Lời Chúa “rất rõ ràng và trực tiếp, rất giản dị và hùng hồn, đến nỗi không một cách diễn giải nào của Giáo hội có quyền tương đối hóa nó. Việc suy tư của Giáo hội về những văn bản này không nên làm lu mờ hay làm suy yếu sức mạnh của chúng, nhưng thúc giục chúng ta đón nhận những lời khuyên nhủ của chúng với lòng can đảm và nhiệt thành. Tại sao lại phải phức tạp hóa một điều đơn giản như vậy? Các công cụ khái niệm hiện hữu để tăng cường sự tiếp xúc với các thực tại mà chúng muốn giải thích, chứ không phải để tách chúng ta ra khỏi chúng.” [18]

32. Thật vậy, chúng ta thấy một ví dụ rõ ràng trong Giáo hội về việc chia sẻ của cải và chăm sóc người nghèo trong đời sống thường nhật của cộng đồng Kitô giáo đầu tiên. Chúng ta có thể đặc biệt nhớ lại cách thức giải quyết vấn đề phân phát trợ cấp hàng ngày cho các góa phụ (x. Cv 6:1-6). Đây không phải là một vấn đề dễ dàng, một phần vì một số góa phụ này, đến từ các quốc gia khác, đôi khi bị bỏ rơi vì họ là người nước ngoài. Thực thế, câu chuyện được kể lại trong sách Công vụ Tông đồ cho thấy một sự bất mãn nhất định từ phía những người theo văn hóa Hy Lạp, tức những người Do Thái là Hy Lạp theo văn hóa. Các Tông đồ không đáp lại bằng những lời lẽ trừu tượng, mà bằng cách đặt lòng bác ái đối với tất cả mọi người vào trung tâm, tổ chức lại việc hỗ trợ các góa phụ bằng cách yêu cầu cộng đồng tìm kiếm những người khôn ngoan và đáng kính để họ có thể giao phó việc phân phát lương thực, trong khi họ lo việc rao giảng Lời Chúa.

33. Khi Thánh Phaolô đến Giêrusalem để tham khảo ý kiến các Tông đồ, kéo bằng cách nào đó ngài “phải chạy hoặc đã chạy vô ích” (Gl 2:2), ngài được yêu cầu đừng quên người nghèo (x. Ga 2:10). Vì vậy, ngài đã tổ chức nhiều cuộc quyên góp khác nhau để giúp đỡ các cộng đồng nghèo. Trong số những lý do khiến Thánh Phaolô thực hiện cử chỉ này, nổi bật là: “Thiên Chúa yêu thương người dâng hiến một cách vui vẻ” (2 Cr 9:7). Lời Chúa nhắc nhở những người trong chúng ta thường không có khuynh hướng làm những cử chỉ từ thiện và vô tư, rằng lòng quảng đại đối với người nghèo thực sự mang lại lợi ích cho những người thực hiện nó: Thiên Chúa có một tình yêu đặc biệt dành cho họ. Thật vậy, Kinh Thánh đầy đầy những lời hứa dành cho những người rộng lượng cho đi: “Ai thương xót người nghèo là cho Chúa vay mượn, và sẽ được trả lại đầy đủ” (Cn 19:17). “Hãy cho đi, thì sẽ được cho lại... vì anh em đong bằng đấu nào, thì sẽ được đong lại bằng đấu ấy” (Lc 6:38). “Bây giờ ánh sáng của anh em sẽ bùng lên như rạng đông, và vết thương của anh em sẽ mau lành” (Is 58:8). Về điều này, các Kitô hữu thời kỳ đầu không hề nghi ngờ.

34. Cuộc sống của các cộng đồng giáo hội đầu tiên, được mô tả trong các trang Kinh Thánh và được truyền lại cho chúng ta như Lời Chúa được mặc khải đã được ban cho chúng ta như một mẫu gương để noi theo, nhưng cũng là một chứng tá cho đức tin hoạt động qua đức ái và là nguồn cảm hứng bền bỉ cho các thế hệ mai sau. Qua nhiều thế kỷ, những trang sách ấy đã lay động lòng người Kitô hữu, thúc đẩy họ yêu thương và thực hiện các công việc bác ái, giống như những hạt giống đem hoa kết trái, không ngừng sinh sôi nảy nở.

CHƯƠNG BA: GIÁO HỘI VÌ NGƯỜI NGHÈO

35. Ba ngày sau khi được bầu làm Giáo hoàng, vị tiền nhiệm của tôi đã bày tỏ với các đại diện truyền thông mong muốn sự quan tâm và chăm sóc dành cho người nghèo được thể hiện rõ nét hơn trong Giáo hội: “Tôi mong ước biết bao một Giáo hội nghèo và vì người nghèo!” [19]

36. Mong muốn này phản ánh sự hiểu biết rằng Giáo hội “nhận ra nơi những người nghèo và những người đau khổ, sự giống như Đấng sáng lập nghèo khó và đau khổ của nó.” [20] Thật vậy, vì Giáo hội được kêu gọi đồng nhất với những người thấp kém nhất, nên ở cốt lõi của mình “Không thể có chỗ cho sự nghi ngờ hay những lời giải thích làm suy yếu một thông điệp rõ ràng như vậy... Chúng ta phải tuyên bố, không vòng vo, rằng có một mối liên kết không thể tách rời giữa đức tin của chúng ta và người nghèo.” [21] Về phương diện này, chúng ta có rất nhiều chứng tá từ các môn đệ của Chúa Kitô trải dài gần hai thiên niên kỷ. [22]

Những kho tàng đích thực của Giáo Hội

37. Thánh Phaolô kể lại rằng trong số các tín hữu của cộng đồng Kitô giáo sơ khai, không nhiều người “khôn ngoan theo xác thịt, không nhiều người quyền thế, không nhiều người quý tộc” (1 Cr 1:26). Tuy nhiên, bất chấp sự nghèo khó, các Kitô hữu tiên khởi đã ý thức rõ ràng về sự cần thiết phải chăm sóc những người túng thiếu nhất. Ngay từ buổi bình minh của Kitô giáo, các Tông đồ đã đặt tay trên bảy người được chọn từ cộng đồng. Ở một mức độ nào đó, các ngài đã sáp nhập họ vào thừa tác vụ của mình, thiết lập họ để phục vụ — diakonía trong tiếng Hy Lạp — những người nghèo nhất (x. Cv 6:1-5). Điều đáng chú ý là vị tông đồ đầu tiên làm chứng cho đức tin của mình vào Chúa Kitô đến mức đổ máu mình ra chính là Stêphanô, người thuộc nhóm này. Trong ngài, chúng ta chăm sóc người nghèo và chứng tá từ đạo đã kết hợp với nhau.

38. Chưa đầy hai thế kỷ sau, một phó tế khác, Thánh Lôrenzô, sẽ chứng minh lòng trung thành của mình với Chúa Giêsu Kitô theo cách tương tự bằng cách kết hợp việc tử đạo và phục vụ người nghèo. [23] Từ lời kể của Thánh Ambrôsiô, chúng ta biết rằng Thánh Lôrenzô, một phó tế ở Rome trong thời Đức Giáo Hoàng Sixtô II, đã bị chính quyền La Mã buộc phải giao nộp kho báu của Giáo hội. "Ngày hôm sau, ông mang theo những người nghèo. Khi được hỏi về nơi cất giữ kho báu đã hứa, ông chỉ vào những người

nghèo và nói: 'Đây là kho báu của Giáo hội'." [24] Khi tường thuật sự kiện này, Thánh Ambrosiô hỏi: "Chúa Giêsu có kho báu nào quý giá hơn những kho báu trong đó Người thích biểu lộ mình không?" [25] Và, nhớ rằng các thừa tác viên của Giáo hội không bao giờ được bỏ bê việc chăm sóc người nghèo, càng không được tích lũy của cải vì lợi ích riêng, ngài nói: "Nhiệm vụ này phải được thực hiện với đức tin chân thành và sự tận tâm khôn ngoan. Chắc chắn, nếu ai đó rút lợi ích cá nhân từ việc này, người đó phạm tội; nhưng nếu người đó phân phát số tiền thu được cho người nghèo hoặc chuộc một tù nhân, người đó thực hiện một công việc thương xót." [26]

Các Giáo Phụ và Người Nghèo

39. Ngay từ những thế kỷ đầu, các Giáo Phụ đã nhận ra nơi người nghèo một con đường ưu tuyển để đến với Thiên Chúa, một con đường đặc biệt để gặp gỡ Người. Lòng bác ái đối với những người túng thiếu không chỉ được xem là một nhân đức luân lý, mà còn là một biểu thức cụ thể của đức tin vào Ngôi Lời Nhập Thể. Cộng đồng tín hữu, được nâng đỡ bởi sức mạnh của Chúa Thánh Thần, bắt nguồn từ việc gần gũi với người nghèo, những người mà họ coi không chỉ là một “phần phụ”, mà là một phần thiết yếu trong thân thể sống động của Chúa Kitô. Chẳng hạn, khi đang trên đường chịu tử đạo, Thánh Inhaxiô thành Antiôkia đã khuyên nhủ cộng đoàn Smyrna đừng sao nhãng bốn phận thực hiện các việc bác ái đối với những người túng thiếu nhất, khuyên nhủ họ đừng hành động như những kẻ chống đối Thiên Chúa. “Nhưng hãy xem những người có quan điểm khác về ân sủng của Chúa Kitô, ân sủng đã đến với chúng ta, họ chống đối thánh ý Thiên Chúa biết bao. Họ không màng đến tình yêu thương; không quan tâm đến góa phụ, trẻ mồ côi, hay người bị áp bức; của người nô lệ, hay của người tự do; của người đói, hay của người khát.” [27] Giám mục Smyrna, Polycarp, đã tuyên bố rõ ràng rằng các thừa tác viên của Giáo hội phải chăm sóc người nghèo: “Và các trưởng lão phải có lòng trắc ẩn và thương xót tất cả mọi người, đưa những người lang thang trở về, thăm viếng tất cả những người bệnh tật, và không bỏ bê góa phụ, trẻ mồ côi hoặc người nghèo, nhưng luôn luôn ‘chu cấp những gì phù hợp trước mắt Chúa và con người’.” [28] Từ hai chứng từ này, chúng ta thấy rằng Giáo hội xuất hiện như một người mẹ của người nghèo, một nơi chào đón và công lý.

40. Về phần mình, Thánh Justinô, người đã gửi Lời biện hộ đầu tiên của mình tới Hoàng đế Adrian, Thượng viện và người dân Rôma, đã giải thích rằng các Kitô hữu mang tất cả những gì họ có thể đến với những người túng thiếu vì họ coi họ là anh chị em trong Chúa Kitô. Viết về cộng đoàn tụ họp cầu nguyện vào ngày đầu tiên của tuần lễ, ngài nhấn mạnh rằng, ở tâm điểm của phụng vụ Kitô giáo, không thể tách rời việc thờ phượng Thiên Chúa khỏi sự quan tâm đến người nghèo. Do đó, tại một thời điểm nhất định trong buổi lễ: “những người giàu có và sẵn lòng đóng góp những gì mỗi người cho là phù hợp; và số tiền thu được sẽ được gửi cho vị chủ tọa, người cứu giúp trẻ mồ côi và góa phụ, những người vì bệnh tật hoặc bất cứ lý do nào khác mà thiếu thốn, những người bị trói buộc, và những người lạ mặt đang lưu trú giữa chúng ta, và nói tóm lại là chăm sóc tất cả những người đang túng thiếu.” [29] Điều này chứng tỏ rằng Giáo hội sơ khai đã không tách biệt

đức tin khởi hành động xã hội: đức tin không có chứng tá bằng hành động cụ thể bị coi là chết, như Thánh Giacôbê đã dạy chúng ta (x. 2:17).

Thánh Gioan Kim Khẩu

41. Trong số các Giáo Phụ Đông Phương, có lẽ nhà thuyết giảng nhiệt thành nhất về công lý xã hội là Thánh Gioan Kim Khẩu, Tổng Giám mục Constantinople từ cuối những năm 300 đến đầu những năm 400. Trong các bài giảng của mình, ngài đã khuyên nhủ các tín hữu nhận ra Chúa Kitô nơi những người thiếu thốn: “Anh chị em có muốn tôn vinh thân thể Chúa Kitô không? Đừng để thân thể ấy bị khinh miệt nơi các chi thể của nó, tức là nơi những người nghèo, những người không có quần áo để che thân. Đừng tôn vinh thân thể Chúa Kitô ở đây trong nhà thờ bằng vải lụa, trong khi bên ngoài anh chị em lại bỏ bê khi thân thể ấy chịu lạnh và trần truồng... [Thân thể Chúa Kitô trên bàn thờ] không cần áo choàng, nhưng cần tâm hồn trong sáng; trong khi thân thể bên ngoài cần được chăm sóc nhiều. Vì vậy, chúng ta hãy học cách nghĩ và tôn vinh Chúa Kitô như Người mong muốn. Vì sự tôn vinh đẹp lòng nhất mà chúng ta có thể dành cho người mà chúng ta muốn tôn kính là làm điều Người mong muốn, chứ không phải điều chúng ta nghĩ ra... Vì vậy, anh chị em cũng vậy, hãy tôn vinh Người như Người đã truyền dạy, và để người nghèo được hưởng lợi từ sự giàu có của anh chị em. Thiên Chúa không cần những chiếc bình bằng vàng, mà cần những tâm hồn bằng vàng.” [30] Khẳng định rõ ràng rằng, nếu các tín hữu không gặp gỡ Chúa Kitô nơi những người nghèo đứng ngoài cửa, họ sẽ không thể thờ phượng Người ngay cả tại bàn thờ, ngài tiếp tục: “Chúa Kitô được lợi gì nếu bàn tiệc thánh chất đầy những bình vàng, trong khi chính Người chết đói trong con người của người nghèo? Hãy cho người đói ăn trước, rồi sau đó mới trang hoàng bàn thờ bằng những gì còn lại.” [31] Do đó, ngài hiểu Bí tích Thánh Thể là một biểu hiện bí tích của lòng bác ái và công lý, vốn đã có trước và đi kèm với Bí tích này. Cũng chính lòng bác ái và công lý đó phải duy trì Bí tích Thánh Thể qua tình yêu và sự quan tâm đến người nghèo.

42. Do đó, bác ái không phải là tùy chọn mà là một yêu cầu của sự thờ phượng đích thực. Thánh Chrysostom đã kịch liệt lên án sự giàu có quá mức gắn liền với sự thờ ơ đối với người nghèo. Sự quan tâm dành cho họ, chứ không chỉ là một yêu cầu xã hội, là một điều kiện cho sự cứu rỗi, điều này mang lại cho sự giàu có bất chính một sức nặng đáng lên án. “Trời rất lạnh và người nghèo nằm trong giẻ rách, hấp hối, lạnh cóng, run rẩy, với vẻ ngoài và quần áo khiến bạn phải xúc động. Nhưng bạn, mặt đỏ bừng và say xỉn, vẫn đi ngang qua. Và làm sao bạn mong Thiên Chúa giải thoát bạn khỏi bất hạnh?... Bạn thường tô điểm cho một xác chết vô cảm, không còn biết đến danh dự, bằng nhiều bộ quần áo dát vàng sắc sỡ. Vậy mà bạn lại khinh thường người đang cảm thấy đau đớn, đang bị xé nát, bị hành hạ, bị giày vò bởi đói khát và giá lạnh.” [32] Ý thức sâu sắc về công lý xã hội này dẫn dắt ngài khẳng định rằng “không cho người nghèo là ăn cắp của họ, là lừa gạt mạng sống của họ, bởi vì những gì chúng ta có là của họ.” [33]

43. Người hướng dẫn tinh thần của Augustinô là Thánh Ambrosiô, người đã nhấn mạnh đến yêu cầu đạo đức về việc chia sẻ của cải vật chất: “Những gì bạn cho người nghèo không phải là tài sản của bạn, mà là của họ. Tại sao bạn lại chiếm đoạt những gì được cho để sử dụng chung?” [34] Đối với Giám mục Milan, bổ thí là sự khôi phục công lý, chứ không phải là một cử chỉ cha chú. Trong lời giảng dạy của mình, lòng thương xót mang tính tiên tri: ngài lên án những cơ cấu tích trữ của cải và tái khẳng định sự hiệp thông là ơn gọi của Giáo hội.

44. Được đào tạo trong truyền thống này, vị Giám mục thánh thiện của Hippo đã dạy về tình yêu thương ưu tiên dành cho người nghèo. Là một mục tử tinh thức và một nhà thần học với sự sáng suốt hiếm có, ngài nhận ra rằng sự hiệp thông đích thực của Giáo hội cũng được phát biểu qua việc hiệp thông của cải. Trong cuốn Chú giải Thánh Vịnh, ngài nhắc nhở chúng ta rằng những Kitô hữu đích thực không bao giờ lơ là tình yêu thương đối với những người túng thiếu nhất: “Khi quan tâm đến anh chị em mình, anh em biết họ có thiếu thốn hay không, nhưng nếu Chúa Kitô ngự trong anh em, thì anh em cũng hãy bác ái với người xa lạ.” [35] Do đó, việc chia sẻ của cải này bắt nguồn từ đức ái đối thần và có mục đích cuối cùng là tình yêu của Chúa Kitô. Đối với Thánh Augustinô, người nghèo không chỉ là những người cần được giúp đỡ, mà còn là sự hiện diện bí tích của Chúa.

45. Vị Tiến sĩ Ân sủng này coi việc chăm sóc người nghèo là bằng chứng cụ thể cho sự chân thành của đức tin. Bất cứ ai nói rằng họ yêu Thiên Chúa và không có lòng thương xót đối với người nghèo khó đều là nói dối (x. *1 Ga 4:20*). Khi bình luận về cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với người thanh niên giàu có và “kho tàng trên trời” dành riêng cho những ai cho đi của cải của mình cho người nghèo (x. *Mt 19:21*), Thánh Augustinô đã đặt những lời sau vào miệng Chúa: “Ta đã nhận được đất, Ta sẽ ban tặng thiên đàng; Ta đã nhận được của cải trần gian, Ta sẽ ban tặng của cải vĩnh cửu; Ta đã nhận được bánh, Ta sẽ ban tặng sự sống... Ta đã được tiếp đãi, nhưng Ta sẽ cho một mái ấm; Ta đã được thăm viếng khi Ta đau yếu, nhưng Ta sẽ ban tặng sức khỏe; Ta đã được thăm viếng trong tù, nhưng Ta sẽ ban tặng tự do. Bánh mà các người đã ban cho người nghèo của Ta đã được tiêu thụ, nhưng bánh Ta sẽ ban tặng không chỉ làm tươi mát các người, mà còn sẽ không bao giờ cạn kiệt.” [36] Đáng Toàn Năng sẽ không chịu thua kém về lòng quảng đại đối với những ai phục vụ những người túng thiếu nhất: tình yêu dành cho người nghèo càng lớn, phần thưởng từ Thiên Chúa càng lớn.

46. Quan điểm lấy Chúa Kitô làm trung tâm và mang tính giáo hội sâu sắc này dẫn chúng ta đến việc khẳng định rằng các lễ vật, khi xuất phát từ tình yêu, không chỉ làm giảm bớt nhu cầu của anh chị em mình, mà còn thanh tẩy tâm hồn người cho, nếu người ấy sẵn lòng thay đổi. Thật vậy, theo lời của Ngụy-Augustinô [Pseudo-Augustine]: “Việc bố thí có thể mang lại lợi ích cho bạn trong việc xóa bỏ tội lỗi quá khứ, nếu bạn đã sửa đổi đường lối của mình.” [37] Có thể nói, đó là con đường thông thường dẫn đến sự hoán cải

cho những ai muốn theo Chúa Kitô với một trái tim không chia rẽ.

47. Trong một Giáo hội nhìn nhận người nghèo là khuôn mặt của Chúa Kitô và của cái vật chất là khí cụ của đức ái, tư tưởng của Thánh Augustinô vẫn là một ánh sáng chắc chắn. Ngày nay, lòng trung thành với giáo huấn của Thánh Augustinô không chỉ đòi hỏi việc nghiên cứu các tác phẩm của ngài, mà còn đòi hỏi sự sẵn sàng sống triệt để lời kêu gọi hoán cải của ngài, điều này tất yếu bao gồm việc phục vụ bác ái.

48. Nhiều Giáo phụ khác của Giáo hội, cả Đông phương lẫn Tây phương, đã nói về vị trí ưu tiên của việc quan tâm đến người nghèo trong đời sống và sứ mệnh của mỗi Kitô hữu. Tóm lại, từ quan điểm này, có thể nói rằng thần học giáo phụ rất thực tiễn, hướng đến một Giáo hội nghèo và vì người nghèo, nhắc nhở rằng Tin Mừng chỉ được loan báo đúng đắn khi thúc đẩy chúng ta chạm đến thân xác của những người bé mọn nhất, và cảnh báo rằng sự cứng ngắc về giáo lý mà không có lòng thương xót chỉ là lời nói suông.

Chăm sóc người bệnh

49. Lòng cảm thương Kitô giáo đã được biểu lộ một cách đặc biệt trong việc chăm sóc người bệnh và người đau khổ. Dựa trên những dấu chỉ hiện diện trong sứ vụ công khai của Chúa Giêsu — việc chữa lành người mù, người phong cùi và người bại liệt — Giáo hội hiểu rằng việc chăm sóc người bệnh, nơi họ, Giáo hội dễ dàng nhận ra Chúa Kitô chịu đóng đinh, là một phần quan trọng trong sứ mệnh của mình. Trong một trận dịch hạch ở thành Carthage, nơi ngài làm Giám mục, Thánh Cyprianô đã nhắc nhở các Kitô hữu về tầm quan trọng của việc chăm sóc người bệnh: “Con dịch bệnh và bệnh dịch này, dường như rất khủng khiếp và chết chóc, đã tìm kiếm sự công chính của mỗi người, và xem xét tâm trí của nhân loại, để xem liệu người khỏe mạnh có phục vụ người bệnh hay không; liệu họ hàng có yêu thương nhau chân thành hay không; liệu các chủ nhân có thương xót những người hầu bị bệnh hay không; liệu các bác sĩ có bỏ rơi những người bệnh đang cầu xin sự giúp đỡ hay không.” [38] Truyền thống Kitô giáo thăm viếng người bệnh, rửa vết thương và an ủi người đau khổ không chỉ đơn thuần là một nỗ lực từ thiện, mà là một hành động của Giáo hội, qua đó các thành viên của Giáo hội “chạm vào thân xác đau khổ của Chúa Kitô.” [39]

50. Vào thế kỷ XVI, Thánh Gioan Thiên Chúa đã thành lập Dòng Bệnh viện mang tên ngài, xây dựng những bệnh viện kiểu mẫu chào đón tất cả mọi người, bất kể địa vị xã hội hay kinh tế. Câu nói nổi tiếng của ngài, “Hãy làm điều tốt, hỡi anh em của tôi!” đã trở thành phương châm cho hoạt động bác ái tích cực đối với người bệnh. Cùng thời gian đó, Thánh Camillus de Lellis đã thành lập Dòng Thừa Tác Viên Bệnh Nhân — Dòng Camillian — với sứ mệnh phục vụ người bệnh bằng tất cả sự tận tụy. Luật dòng của ngài truyền dạy: “Mỗi người hãy cầu xin Chúa ban cho mình một tình mẫu tử đối với tha nhân để chúng ta có thể phục vụ họ với tất cả lòng bác ái, cả tâm hồn lẫn thể xác, bởi vì, với ân sủng Thiên Chúa, chúng ta mong muốn phục vụ tất cả những người bệnh với tình thương của một người mẹ yêu thương dành cho đứa con duy nhất đang đau yếu của mình.” [40]

Trong các bệnh viện, trên chiến trường, trong nhà tù và trên đường phố, các nữ tu dòng Camillian đã hiến thân lòng thương xót của Chúa Kitô, Đấng Y Sĩ.

51. Chăm sóc người bệnh với tình mẫu tử, như người mẹ chăm sóc con mình, nhiều phụ nữ tận hiến đã đóng một vai trò thậm chí còn lớn lao hơn trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo. Dòng Nữ Tử Bác Ái Thánh Vincent de Paul, các Nữ Tu Bệnh Viện, các Nữ Tu Nhỏ của Chúa Quan Phòng, và nhiều hội dòng nữ khác đã trở thành một sự hiện diện mẫu tử và kín đáo trong các bệnh viện, viện dưỡng lão và viện hưu trí. Họ đã mang đến sự an ủi, lắng nghe, hiện diện, và trên hết là sự dịu dàng. Họ đã xây dựng, thường bằng chính đôi tay mình, các cơ sở chăm sóc sức khỏe ở những vùng thiếu thốn sự hỗ trợ y tế. Họ dạy về vệ sinh, hỗ trợ sinh nở và điều trị y khoa với sự khôn ngoan tự nhiên và đức tin sâu sắc. Nhà cửa của họ trở thành những ốc đảo của phẩm giá, nơi không ai bị loại trừ. Sự chạm đến của lòng trắc ẩn chính là liều thuốc đầu tiên. Thánh Louise de Marillac đã viết cho các chị em của mình, Dòng Nữ Tử Bác Ái, nhắc nhở họ rằng “họ đã được Thiên Chúa chúc phúc cách đặc biệt vì đã phục vụ những người nghèo bệnh tật trong các bệnh viện.” [41]

52. Ngày nay, di sản này vẫn tiếp tục trong các bệnh viện Công Giáo, các cơ sở chăm sóc sức khỏe ở vùng sâu vùng xa, các phòng khám hoạt động trong rừng rậm, các nhà tạm trú cho người nghiện ma túy và các bệnh viện dã chiến ở vùng chiến sự. Sự hiện diện của Kitô hữu giữa những người bệnh cho thấy rằng ơn cứu độ không phải là một ý tưởng trừu tượng, mà là hành động cụ thể. Trong hành động chữa lành vết thương, Giáo hội tuyên xưng rằng Vương quốc Thiên Chúa bắt đầu từ những người dễ bị tổn thương nhất. Khi làm như vậy, Giáo hội luôn trung thành với Đấng đã phán: “Ta đau yếu, các ngươi đã thăm viếng Ta” (Mt 25:36). Khi Giáo hội quỳ gối bên một người phong cùi, một đứa trẻ suy dinh dưỡng hay một người hấp hối vô danh, Giáo hội đã thực hiện ơn gọi sâu xa nhất của mình: yêu mến Chúa nơi Người bị biến dạng nhất.

Chăm sóc người nghèo trong đời sống đơn tu

53. Đời sống đơn tu, khởi nguồn từ sự tĩnh lặng của sa mạc, ngay từ đầu đã là một chứng tá cho tình liên đới. Các đan sĩ và nữ tu đã từ bỏ tất cả — của cải, danh vọng, gia đình — không chỉ vì họ khinh miệt của cải trần gian — sự khinh miệt thế gian — mà còn để gặp gỡ Chúa Kitô nghèo khó trong sự tách biệt triệt để này. Thánh Basilô Cả, trong Luật dòng của ngài, không thấy mâu thuẫn nào giữa đời sống cầu nguyện và chiêm niệm của các đan sĩ với công việc phục vụ người nghèo. Đối với ngài, lòng hiếu khách và sự chăm sóc người nghèo là một phần không thể thiếu trong linh đạo đơn tu, và các đan sĩ, ngay cả sau khi đã từ bỏ tất cả để theo đuổi sự nghèo khó, vẫn phải giúp đỡ những người nghèo nhất bằng công việc của họ, bởi vì “để có đủ tiền giúp đỡ người nghèo... rõ ràng là chúng ta phải làm việc siêng năng... Lối sống này không chỉ có lợi cho việc chế ngự thân xác, mà còn cho việc bác ái đối với tha nhân, để qua chúng ta, Thiên Chúa có thể ban đủ cho những anh chị em yếu đuối hơn của chúng ta.” [42]

54. Tại Xêdaria, nơi ngài làm Giám mục, ngài đã xây dựng một nơi gọi là Basiliad, bao gồm nhà ở, bệnh viện và trường học cho người nghèo và người bệnh. Do đó, vị đan sĩ không chỉ là một nhà khổ hạnh mà còn là một người phục vụ. Thánh Basilê đã chứng minh rằng để gần gũi với Thiên Chúa, người ta phải gần gũi với người nghèo. Tình yêu cụ thể là tiêu chuẩn của sự thánh thiện. Cầu nguyện và chăm sóc, chiêm niệm và chữa lành, viết lách và chào đón: tất cả đều là biểu thức của cùng một tình yêu dành cho Chúa Kitô.

55. Ở phương Tây, Thánh Bê-nê-đi-ctô thành Norcia đã soạn thảo một Luật mà sau này trở thành xương sống của linh đạo đơn tu châu Âu. Việc chào đón người nghèo và khách hành hương chiếm một vị trí nổi bật trong văn kiện: “Người nghèo và khách hành hương phải được đón tiếp với tất cả sự quan tâm và hiếu khách, vì chính nơi họ, Chúa Kitô được đón nhận.” [43] Đây không chỉ là lời nói: trong nhiều thế kỷ, các đan viện Biển Đức là nơi trú ẩn cho các góa phụ, trẻ em bị bỏ rơi, khách hành hương và người ăn xin. Đối với Thánh Bê-nê-đi-ctô, đời sống cộng đoàn là một trường học về bác ái. Lao động chân tay không chỉ có chức năng thực tế mà còn hình thành nên trái tim phục vụ. Việc chia sẻ giữa các đan sĩ, chăm sóc người bệnh và lắng nghe những người dễ bị tổn thương nhất đã chuẩn bị cho họ chào đón Chúa Kitô đến trong con người của người nghèo và người xa lạ. Ngày nay, lòng hiếu khách của tu viện Biển Đức vẫn là dấu chỉ của một Giáo hội mở rộng cửa, chào đón mà không đòi hỏi và chữa lành mà không đòi hỏi bất cứ điều gì đáp lại.

56. Theo thời gian, các tu viện Biển Đức đã trở thành nơi vượt qua văn hóa loại trừ. Các nam nữ đan sĩ canh tác đất đai, sản xuất lương thực, chuẩn bị thuốc men và cung cấp chúng, một cách giản dị, cho những người thiếu thốn nhất. Công việc thầm lặng của họ là chất men của một nền văn minh mới, nơi người nghèo không phải là vấn đề cần giải quyết, mà là anh chị em cần được chào đón. Nguyên tắc chia sẻ, làm việc cùng nhau và giúp đỡ những người dễ bị tổn thương đã thiết lập một nền kinh tế liên đới, trái ngược với luận lý học tích lũy. Chứng tá của các đan sĩ cho thấy rằng sự nghèo khó tự nguyện, không phải là sự khốn cùng, mà là một con đường của tự do và hiệp thông. Họ không giới hạn bản thân trong việc giúp đỡ người nghèo: họ trở thành những người lân cận, anh chị em trong cùng một Chúa. Trong các phòng nhỏ và nội vi, họ đã tạo nên một sự huyền bí về sự hiện diện của Thiên Chúa nơi những người bé nhỏ.

57. Bên cạnh việc cung cấp hỗ trợ vật chất, các đan viện còn đóng một vai trò nền tảng trong việc hình thành văn hóa và tinh thần cho những người khiêm nhường nhất. Trong thời kỳ dịch bệnh, chiến tranh và nạn đói, đó là nơi người nghèo tìm thấy bánh mì và thuốc men, cũng như phẩm giá và tiếng nói. Chính tại đó, trẻ mồ côi được giáo dục, người học việc được đào tạo và người dân thường được dạy kỹ thuật nông nghiệp và cách đọc. Kiến thức được chia sẻ như một món quà và một trách nhiệm. Viện phụ vừa là thầy vừa là cha, và trường dòng là nơi tự do thông qua chân lý. Thật vậy, như John Cassian đã viết, người đan sĩ phải được đặc trưng bởi “lòng khiêm nhường... điều này không dẫn đến kiến thức khoa trương, mà dẫn đến kiến thức soi sáng nhờ lòng bác ái trọn vẹn.” [44] Bằng cách đào tạo lương tâm và truyền đạt khôn ngoan, các đan sĩ đã đóng góp vào một

phương pháp sư phạm Kitô giáo về sự hòa nhập. Văn hóa, được đánh dấu bằng đức tin, được chia sẻ một cách giản dị. Kiến thức, được soi sáng bởi lòng bác ái, trở thành sự phục vụ. Do đó, đời sống đơn tu tự bộc lộ như một phong cách thánh thiện và là một cách cụ thể để biến đổi xã hội.

58. Truyền thống đơn tu dạy chúng ta rằng cầu nguyện và bác ái, tĩnh lặng và phục vụ, phòng giam và bệnh viện tạo thành một cấu trúc tinh thần duy nhất. Đan viện là nơi lắng nghe và hành động, thờ phượng và chia sẻ. Thánh Bernardô thành Clairvaux, nhà cải cách vĩ đại của dòng Xitô, “đã mạnh mẽ nhắc nhở về nhu cầu của một cuộc sống tiết độ và chừng mực, trong phòng ăn cũng như trong y phục và các tòa nhà đan viện, khuyến khích việc hỗ trợ và chăm sóc người nghèo.” [45] Đối với ngài, lòng cảm thương không phải là một lựa chọn, mà là con đường đích thực để theo Chúa Kitô. Do đó, đời sống đơn tu, nếu trung thành với ơn gọi ban đầu của mình, cho thấy rằng Giáo hội chỉ thực sự là hiện thân của Chúa khi Giáo hội cũng là chị em của người nghèo. Đan viện không chỉ là nơi ẩn náu khỏi thế gian, mà còn là trường học nơi người ta học cách phục vụ thế gian tốt hơn. Nơi các nam nữ đan sĩ mở cửa đón nhận người nghèo, Giáo hội đã khiêm nhường và kiên định cho thấy rằng việc chiêm niệm không loại trừ lòng thương xót, nhưng đòi hỏi lòng thương xót như hoa trái tinh tuyền nhất của nó.

Giải thoát tù nhân

59. Từ thời các tông đồ, Giáo hội đã xem việc giải phóng những người bị áp bức là dấu chỉ của Nước Thiên Chúa. Chính Chúa Giêsu đã tuyên bố khi bắt đầu sứ vụ công khai của Người: “Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, vì Người đã xức dầu cho tôi để tôi loan báo Tin Mừng cho người nghèo khó. Người đã sai tôi đi công bố sự giải thoát cho kẻ bị giam cầm” (Lc 4:18). Các Kitô hữu tiên khởi, ngay cả trong những điều kiện bấp bênh, vẫn cầu nguyện và giúp đỡ anh chị em mình là những người bị giam cầm, như sách Công vụ Tông đồ (x. 12:5; 24:23) và nhiều tác phẩm khác nhau của các Giáo phụ đã chứng thực. Sứ mệnh giải phóng này đã được tiếp tục qua nhiều thế kỷ thông qua những hành động cụ thể, đặc biệt là khi thảm kịch nô lệ và tù đầy đã in đậm dấu ấn trên toàn thể xã hội.

60. Từ cuối thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XIII, khi nhiều Kitô hữu bị bắt ở Địa Trung Hải hoặc bị bắt làm nô lệ trong chiến tranh, hai dòng tu đã xuất hiện: Dòng Chúa Ba Ngôi và Dòng Tù nhân (Trinitarians), do Thánh Gioan thành Matha và Thánh Phê-lích thành Valois sáng lập, và Dòng Đức Trinh Nữ Maria Thương Xót (Mercedarians), do Thánh Phê-rô Nolasco sáng lập với sự hỗ trợ của Thánh Đa Minh Raymond thành Peñafor. Các cộng đồng người thánh hiến này ra đời với đặc sủng đặc biệt là giải phóng những Kitô hữu bị bắt làm nô lệ, trao tài sản của mình cho những người bị bắt làm nô lệ sử dụng [46] và nhiều lần hiến dâng mạng sống của mình để trao đổi. Dòng Chúa Ba Ngôi, với khẩu hiệu Gloria tibi Trinitas et captivis libertas (Vinh quang cho Chúa, lạy Chúa Ba Ngôi, và tự do cho những người bị bắt làm nô lệ), và dòng Mercedarians, là dòng đã thêm lời khẩn thứ tư [47] vào các lời khẩn dòng khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục, đã chứng thực rằng lòng bác ái có thể anh hùng. Việc giải thoát tù nhân là một biểu thức của tình yêu Ba

Ngoài: một Thiên Chúa giải thoát không chỉ khỏi ách nô lệ tinh thần mà còn khỏi sự áp bức cụ thể. Hành động giải cứu một người khỏi ách nô lệ và tù đầy được xem như sự nổi dãi hy lễ cứu chuộc của Chúa Kitô, mà máu của Người là giá chuộc chúng ta (x. *1 Cr* 6:20).

61. Linh đạo nguyên thủy của các dòng tu này bắt nguồn sâu xa từ việc chiêm ngắm thập giá. Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc các tù nhân một cách tuyệt hảo, và Giáo Hội, Thân Thể của Người, kéo dài mầu nhiệm này trong thời gian. [48] Các tu sĩ không xem việc cứu chuộc là một hành động chính trị hay kinh tế, mà là một hành vi gần như phụng vụ, là sự dâng hiến chính mình một cách bí tích. Nhiều người đã hiến dâng thân xác mình để thay thế các tù nhân, thực sự chu toàn điều răn: “Không có tình yêu nào cao cả hơn tình yêu của người đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu” (*Ga* 15:13). Truyền thống của các dòng tu này vẫn còn tồn tại. Ngược lại, nó đã khơi nguồn cảm hứng cho những hình thức hành động mới trước các hình thức nô lệ hiện đại: nạn buôn người, lao động cưỡng bức, bóc lột tình dục và nhiều hình thức lệ thuộc khác. [49] Đức ái Kitô giáo mang tính giải phóng khi nó được nhập thể. Tương tự như vậy, sứ mệnh của Giáo hội, khi trung thành với Chúa, là luôn luôn công bố sự giải phóng. Ngay cả ngày nay, khi “hàng triệu người – trẻ em, phụ nữ và nam giới ở mọi lứa tuổi – bị tước đoạt tự do và buộc phải sống trong những điều kiện gần giống như nô lệ”, [50] di sản này vẫn được tiếp nối bởi các dòng tu này, các tổ chức và hội dòng khác hoạt động ở các vùng ngoại vi đô thị, các vùng xung đột và các tuyến đường di cư. Khi Giáo hội cúi mình để phá vỡ những xiềng xích mới trói buộc người nghèo, Giáo hội trở thành một dấu chỉ vượt qua.

62. Chúng ta không thể kết thúc bài suy tư này về những người bị tước đoạt tự do mà không đề cập đến những người trong các nhà tù và trại giam khác nhau. Về vấn đề này, chúng ta nhớ lại lời Đức Thánh Cha Phanxicô đã nói với một nhóm tù nhân: “Đối với tôi, việc bước vào nhà tù luôn là một khoảnh khắc quan trọng, bởi vì nhà tù là nơi chứa đựng tình người cao cả... Nhân loại bị thử thách, đôi khi bị bào mòn bởi những khó khăn, tội lỗi, phán xét, hiểu lầm, đau khổ, nhưng đồng thời cũng tràn đầy sức mạnh, khao khát được tha thứ và khao khát được cứu chuộc.” [51] Khao khát này, bên cạnh những điều khác, cũng đã được các dòng tu dành riêng cho việc chuộc tội như một sự phục vụ ưu tiên cho Giáo hội tiếp nối. Như Thánh Phaolô đã tuyên bố: “Chính để được tự do, Chúa Kitô đã giải thoát chúng ta” (*Gl* 5:1). Sự tự do này không chỉ là nội tâm: nó tự biểu lộ trong lịch sử như một tình yêu thương chăm sóc và giải thoát chúng ta khỏi mọi xiềng xích nô lệ.

Những chứng nhân của đức khó nghèo tin mừng

63. Vào thế kỷ XIII, trước sự phát triển của các thành phố, sự tập trung của cải và sự xuất hiện của những hình thức nghèo khó mới, Chúa Thánh Thần đã khơi dậy một hình thức thánh hiến mới trong Giáo hội: các dòng khất thực. Khác với mô hình đơn tu cố định, các khất sĩ chọn lối sống du mục, không sở hữu tài sản cá nhân hay cộng đồng, hoàn toàn phó thác cho sự quan phòng. Họ không chỉ phục vụ người nghèo: họ còn tự làm mình nghèo

đi cùng họ. Họ coi thành phố như một sa mạc mới, và những người bị gạt ra bên lề xã hội như những bậc thầy tâm linh mới. Các dòng tu này, chẳng hạn như dòng Phanxicô, dòng Đa Minh, Dòng Thánh Augustinô và Dòng Cát Minh, đại diện cho một cuộc cách mạng truyền giáo, trong đó lối sống giản dị và nghèo khó đã trở thành dấu chỉ tiên tri cho sứ mệnh, làm sống lại kinh nghiệm của cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên (x. Cv 4:32). Chứng tá của những người hành khất đã thách thức cả sự xa hoa của giới giáo sĩ lẫn sự lạnh nhạt của xã hội đô thị.

64. Thánh Phanxicô Assisi đã trở thành biểu tượng của mùa xuân tâm linh này. Bằng cách chấp nhận sự nghèo khó, ngài muốn noi gương Chúa Kitô, Đấng nghèo khó, trần truồng và bị đóng đinh. Trong Luật Dòng, ngài yêu cầu “các anh em không được chiếm đoạt bất cứ điều gì, dù là nhà cửa, địa điểm, hay bất cứ điều gì khác. Và là những người hành hương và khách lạ trên thế gian này, phục vụ Chúa trong sự nghèo khó và khiêm nhường, họ nên đi ăn xin với lòng tin tưởng, và không nên xấu hổ, vì Chúa đã trở nên nghèo khó vì chúng ta trên thế gian này.” [52] Cuộc đời của ngài là một cuộc đời liên tục tự hạ mình: từ cung điện đến người phong hủi, từ hùng biện đến im lặng, từ sở hữu đến trao tặng hoàn toàn. Thánh Phanxicô không thành lập một tổ chức dịch vụ xã hội, mà là một hội huynh đệ truyền giáo. Nơi người nghèo, ngài nhìn thấy anh chị em mình, những hình ảnh sống động của Chúa. Sứ mệnh của ngài là ở bên họ, và ngài đã làm điều đó thông qua một tình liên đới vượt qua khoảng cách và một tình yêu thương cảm thông. Sự nghèo khó của Thánh Phanxicô mang tính tương quan: nó dẫn ngài đến việc trở thành người lân cận, ngang hàng, hoặc thậm chí thấp kém hơn những người khác. Sự thánh thiện của ngài xuất phát từ niềm tin rằng Chúa Kitô chỉ có thể được đón nhận thực sự bằng cách quảng đại hiến thân cho anh chị em mình.

65. Thánh Clara thành Assisi, được Thánh Phanxicô truyền cảm hứng, đã thành lập Dòng Các Bà Nghèo Khó, sau này được gọi là Dòng Clara Nghèo Khó. Cuộc đấu tranh tinh thần của ngài bao gồm việc trung thành duy trì lý tưởng sống khó nghèo triệt để. Ngài từ chối các đặc quyền của giáo hoàng vốn có thể đảm bảo an ninh vật chất cho đan viện của mình và, với sự kiên định, đã xin được từ Đức Giáo Hoàng Gregoriô IX cái gọi là Đặc quyền Nghèo khó, đảm bảo quyền sống mà không cần bất cứ của cải vật chất nào. [53] Sự lựa chọn này thể hiện niềm tin tuyệt đối của ngài vào Thiên Chúa và nhận thức rằng sự nghèo khó tự nguyện là một hình thức tự do và ngôn sứ. Thánh Clara dạy các chị em của mình rằng Chúa Kitô là di sản duy nhất của họ và không gì có thể che khuất sự hiệp thông của họ với Người. Cuộc sống cầu nguyện và ản dật của thánh nữ là tiếng kêu chống lại tính thế tục và là sự bảo vệ thầm lặng cho những người nghèo và bị lãng quên.

66. Thánh Đaminh thành Guzmán, một người cùng thời với Thánh Phanxicô, đã thành lập Dòng Giảng Thuyết, với một đặc sủng khác nhưng cùng một đời sống cấp tiến. Ngài muốn công bố Tin Mừng với uy quyền đến từ một cuộc đời nghèo khó, tin chắc rằng Chân Lý cần những chứng nhân của sự chính trực. Gương sống nghèo khó trong cuộc đời của họ đi kèm với Lời họ rao giảng. Thoát khỏi gánh nặng của cái trần thế, các tu sĩ Đaminh có thể cống hiến tốt hơn cho công việc rao giảng chính của mình. Họ đến các

thành phố, đặc biệt là các trường đại học, để giảng dạy chân lý về Thiên Chúa. [54] Trong sự phụ thuộc vào người khác, họ đã cho thấy rằng đức tin không phải là áp đặt mà là được ban tặng. Và bằng cách sống giữa những người nghèo, họ đã học được chân lý của Tin Mừng “từ bên dưới”, như những môn đệ của Chúa Kitô bị hạ nhục.

67. Do đó, các dòng tu hành khất thực là một phản ứng sống động trước sự loại trừ và thờ ơ. Họ không đề xuất một cách rõ ràng những cải cách xã hội, mà là một sự hoán cải cá nhân và cộng đồng theo luận lý học Vương quốc. Đối với họ, nghèo đói không phải là hậu quả của sự khan hiếm của cải, mà là một lựa chọn tự do: trở nên nhỏ bé để đón nhận những người bé nhỏ. Như thánh Tôma thành Celano đã nói về thánh Phanxicô: “Ngài cho thấy ngài yêu thương người nghèo tha thiết... Ngài thường cởi bỏ thân xác trần trụi để mặc cho người nghèo, những người mà ngài muốn trở nên giống như ngài.” [55] Những người ăn xin đã trở thành biểu tượng của một Giáo hội lữ hành, khiêm nhường và huynh đệ, sống giữa người nghèo không phải để cải đạo mà như một biểu thức nói lên bản sắc đích thực của họ. Họ dạy chúng ta rằng Giáo hội là ánh sáng khi Giáo hội cởi bỏ mọi thứ, và sự thánh thiện đến từ một trái tim khiêm nhường dành cho những người bé nhỏ nhất trong chúng ta.

Giáo hội và giáo dục người nghèo

68. Nói với các nhà giáo dục, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhắc lại rằng giáo dục luôn là một trong những biểu hiện cao nhất của đức ái Kitô giáo: “Sứ mệnh của anh em đây những trở ngại cũng như niềm vui... Một sứ mệnh của tình yêu, bởi vì anh em không thể dạy học nếu không yêu thương.” [56] Theo nghĩa này, từ thời xa xưa, các Kitô hữu đã hiểu rằng kiến thức giải thoát, mang lại phẩm giá và đưa chúng ta đến gần chân lý hơn. Đối với Giáo hội, việc giảng dạy người nghèo là một hành động của công lý và đức tin. Được soi sáng bởi tấm gương của vị Thầy đã dạy cho con người những chân lý thần linh và nhân bản, Giáo hội đã đảm nhận sứ mệnh đào tạo trẻ em và thanh thiếu niên, đặc biệt là những người nghèo nhất, trong chân lý và tình yêu. Sứ mệnh này được hình thành với việc thành lập các dòng tu chuyên về giáo dục.

69. Vào thế kỷ XVI, Thánh Joseph Calasanz, bị sốc trước tình trạng thiếu giáo dục và đào tạo trong giới trẻ nghèo ở Rome, đã thành lập trường công lập miễn phí đầu tiên của châu Âu tại một số phòng liền kề với nhà thờ Santa Dorotea ở Trastevere. Đây chính là hạt giống mà Dòng Giáo sĩ Nghèo của Mẹ Thiên Chúa của các Trường Đạo, được gọi là Piarists, sau này sẽ xuất hiện và phát triển, mặc dù không phải là không có khó khăn. Mục tiêu của họ là truyền đạt cho những người trẻ tuổi “không chỉ kiến thức thể tục mà còn cả sự khôn ngoan của Tin Mừng, dạy họ nhận ra, trong cuộc sống bản thân và trong lịch sử, hành động yêu thương của Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và Cứu Chuộc”. [57] Thực tế, chúng ta có thể coi vị linh mục can đảm này là “người sáng lập thực sự của trường Công Giáo hiện đại, hướng tới việc đào tạo toàn diện con người và mở ra cho tất cả mọi người”. [58] Được truyền cảm hứng từ cùng một sự nhạy cảm, Thánh Gioan Baotixita de La Salle, nhận ra sự bất công do việc loại trừ con cái của công nhân và người dân thường

khỏi hệ thống giáo dục của Pháp vào thời điểm đó, đã thành lập Dòng Anh em Trường Kitô giáo vào thế kỷ XVII, với lý tưởng cung cấp cho họ nền giáo dục miễn phí, sự đào tạo vững chắc và một môi trường huynh đệ. De La Salle coi lớp học là nơi phát triển con người, nhưng cũng là nơi để hoán cải. Trong các trường đại học của mình, cầu nguyện, phương pháp, kỷ luật và chia sẻ đã được kết hợp. Mỗi đứa trẻ được xem là một món quà độc nhất vô nhị từ Thiên Chúa, và việc dạy dỗ là một sự phục vụ cho Vương quốc Thiên Chúa.

70. Vào thế kỷ XIX, cũng tại Pháp, Thánh Marcellin Champagnat đã thành lập Viện Anh Em Marist của Trường học. “Ngài nhạy cảm với những nhu cầu tâm linh và giáo dục của thời đại mình, đặc biệt là sự thiếu hiểu biết về tôn giáo và tình trạng bị bỏ rơi mà giới trẻ phải trải qua theo một cách đặc biệt.” [59] Ngài đã hết lòng cống hiến cho sứ mệnh giáo dục và truyền giáo cho trẻ em và thanh thiếu niên, đặc biệt là những người thiếu thốn nhất, trong thời kỳ mà việc tiếp cận giáo dục vẫn là đặc quyền của một số ít người. Cũng trong tinh thần đó, Thánh Gioan Bosco đã khởi đầu công trình vĩ đại của các tu sĩ Salêdiêng tại Ý dựa trên ba nguyên tắc của “phương pháp phòng ngừa” — lý trí, tôn giáo và lòng nhân ái. [60] Chân phước Antonio Rosmini đã thành lập Viện Bác ái, trong đó “bác ái trí thức” được đặt bên cạnh “bác ái vật chất”, với “bác ái tinh thần-mục vụ” ở vị trí hàng đầu, như một chiều kích không thể thiếu của bất cứ hoạt động bác ái nào hướng đến sự phát triển tốt đẹp và toàn diện của con người. [61]

71. Nhiều dòng nữ là những người tiên phong trong cuộc cách mạng sư phạm này. Được thành lập vào thế kỷ XVIII và XIX, các nữ tu dòng Ursulines, dòng Nữ tu Đức Mẹ Maria, dòng Maestre Pie và nhiều dòng khác đã bước vào những không gian mà nhà nước vắng mặt. Họ thành lập các trường học ở những ngôi làng nhỏ, vùng ngoại ô và các khu dân cư lao động. Đặc biệt, việc giáo dục trẻ em gái trở thành ưu tiên hàng đầu. Các nữ tu dòng tu dạy chữ, truyền giáo, chăm lo những vấn đề thiết thực của cuộc sống hàng ngày, nâng cao tinh thần của họ thông qua việc trau dồi nghệ thuật, và trên hết là đào tạo lương tâm. Phương pháp sư phạm của họ rất đơn giản: gần gũi, kiên nhẫn và dịu dàng. Họ dạy bằng gương mẫu cuộc sống của mình trước khi dạy bằng lời nói. Trong thời kỳ nạn mù chữ lan rộng và sự loại trừ có hệ thống, những người phụ nữ tận hiến này là ngọn hải đăng của hy vọng. Sứ mệnh của họ là đào tạo trái tim, dạy mọi người suy nghĩ và thúc đẩy phẩm giá. Bằng cách kết hợp đời sống đạo đức và sự tận tụy với tha nhân, họ đã chống lại sự bỏ rơi bằng sự dịu dàng của những người giáo dục nhân danh Chúa Kitô.

72. Đối với đức tin Kitô giáo, việc giáo dục người nghèo không phải là một đặc ân mà là một bổn phận. Trẻ em có quyền được hiểu biết như một yêu cầu cơ bản để được công nhận phẩm giá con người. Việc dạy dỗ các em khẳng định giá trị của các em, trao cho các em những công cụ để biến đổi thực tại của mình. Truyền thống Kitô giáo coi hiểu biết là một món quà từ Thiên Chúa và là một trách nhiệm cộng đồng. Giáo dục Kitô giáo không chỉ đào tạo nên những người chuyên nghiệp, mà còn đào tạo nên những con người cội rễ với chân, thiện, mỹ. Do đó, khi trung thành với tên gọi của mình, các trường Công Giáo là nơi hòa nhập, đào tạo toàn diện và phát triển con người. Bằng cách kết hợp đức tin và

văn hóa, các trường này gieo mầm tương lai, tôn vinh hình ảnh Thiên Chúa và xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Đồng hành cùng di dân

73. Kinh nghiệm di dân đồng hành với lịch sử của dân Chúa. Áp-ra-ham lên đường mà không biết mình sẽ đi đâu; Mô-sê dẫn dắt dân hành hương qua sa mạc; Đức Maria và Thánh Giuse trốn sang Ai Cập cùng Hài Nhi Giêsu. Chính Chúa Kitô, Đấng “đã đến nhà mình, nhưng dân mình chẳng đón nhận” (Ga 1:11), đã sống giữa chúng ta như một người xa lạ. Vì lý do này, Giáo hội luôn nhận ra nơi những người di cư sự hiện diện sống động của Chúa, Đấng mà vào ngày phán xét, sẽ nói với những người bên phải Người: “Ta là khách lạ và các ngươi đã tiếp đón Ta” (Mt 25:35).

74. Vào thế kỷ XIX, khi hàng triệu người châu Âu di cư để tìm kiếm điều kiện sống tốt hơn, hai vị thánh vĩ đại đã nổi bật trong việc chăm sóc mục vụ cho người di cư: Thánh Gioan Baotixita Scalabrini và Thánh Phanxicô Xaviê Cabrini. Scalabrini, Giám mục Piacenza, đã thành lập Dòng Thừa sai Thánh Charles để đồng hành cùng người di cư đến đích, cung cấp cho họ sự hỗ trợ về tinh thần, pháp lý và vật chất. Ngài coi di dân như những người tiếp nhận một công cuộc truyền giảng tin mừng mới, cảnh báo về nguy cơ bị bóc lột và mất đức tin ở một vùng đất xa lạ. Đáp lại một cách quảng đại đặc sủng mà Chúa đã ban cho mình, “Scalabrini mong đợi một thế giới và một Giáo hội không có rào cản, nơi không ai là người nước ngoài.” [62] Thánh Frances Cabrini, sinh ra ở Ý và là người Mỹ nhập tịch, là công dân đầu tiên của Hoa Kỳ được phong thánh. Để hoàn thành sứ mệnh hỗ trợ người di cư, bà đã nhiều lần vượt Đại Tây Dương. “Được trang bị lòng can đảm đáng kinh ngạc, bà đã thành lập các trường học, bệnh viện và trại trẻ mồ côi từ con số không cho quần chúng nghèo, những người mạo hiểm đến thế giới mới để tìm kiếm việc làm. Không biết ngôn ngữ và không có phương tiện để tìm một vị trí đáng kính trong xã hội Mỹ, họ thường là nạn nhân của những kẻ vô đạo đức. Trái tim người mẹ, không cho phép bà nghỉ ngơi, đã vươn tới họ ở khắp mọi nơi: trong những túp lều, nhà tù và hầm mỏ.” [63] Trong Năm Thánh 1950, Đức Giáo Hoàng Piô XII đã tuyên bố Mẹ là Bồn Mạng của Mọi Di Dân. [64]

75. Truyền thống làm việc vì và với người di dân của Giáo Hội vẫn tiếp tục, và ngày nay sự phục vụ này được phát biểu qua các sáng kiến như các trung tâm tiếp nhận người tị nạn, các sứ vụ biên giới và những nỗ lực của Caritas Quốc tế và các tổ chức khác. Giáo huấn đương thời tái khẳng định rõ ràng cam kết này. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhắc lại rằng sứ mệnh của Giáo Hội đối với người di dân và người tị nạn thậm chí còn rộng lớn hơn, nhấn mạnh rằng “phản ứng của chúng ta trước những thách thức do di cư đương thời đặt ra có thể được tóm tắt trong bốn động từ: chào đón, bảo vệ, thúc đẩy và hội nhập. Tuy nhiên, những động từ này không chỉ áp dụng cho người di dân và người tị nạn. Chúng mô tả sứ mệnh của Giáo Hội đối với tất cả những người sống ở vùng ngoại vi hiện sinh, những người cần được chào đón, bảo vệ, thúc đẩy và hội nhập.” [65] Ngài cũng nói: “Mỗi con người đều là con Thiên Chúa! Họ mang hình ảnh của Chúa Kitô! Chính chúng ta cần

nhìn thấy, và sau đó giúp người khác nhìn thấy, rằng người di cư và người tị nạn không chỉ là một vấn đề cần giải quyết, mà còn là anh chị em cần được chào đón, tôn trọng và yêu thương. Họ là cơ hội mà Chúa Quan Phòng ban cho chúng ta để góp phần xây dựng một xã hội công bằng hơn, một nền dân chủ hoàn hảo hơn, một đất nước đoàn kết hơn, một thế giới huynh đệ hơn và một cộng đồng Kitô giáo cởi mở và truyền giáo hơn.” [66] Giáo Hội, như một người mẹ, đồng hành với những ai đang bước đi. Nơi thế gian nhìn thấy những mối đe dọa, Giáo Hội nhìn thấy những trẻ em; nơi những bức tường được xây dựng, Giáo Hội xây dựng những cây cầu. Giáo Hội biết rằng lời loan báo Tin Mừng của mình chỉ đáng tin cậy khi được chuyển thành những cử chỉ gần gũi và chào đón. Và Giáo Hội biết rằng trong mỗi người di cư bị từ chối, chính Chúa Kitô đang gõ cửa cộng đồng.

Ở bên cạnh những người bé mọn nhất trong chúng ta

76. Sự thánh thiện của Kitô giáo thường nở rộ ở những nơi bị lãng quên và tôn trọng nhất của nhân loại. Những người nghèo nhất trong số những người nghèo — những người không chỉ thiếu thốn của cải vật chất mà còn thiếu cả tiếng nói và sự công nhận phẩm giá của họ — có một vị trí đặc biệt trong trái tim Thiên Chúa. Họ là những người được yêu thương của Tin Mừng, là những người thừa kế Vương quốc (x. Lc 6:20). Chính nơi họ, Chúa Kitô tiếp tục chịu đau khổ và phục sinh. Chính nơi họ, Giáo hội tái khám phá lời mời gọi thể hiện bản chất đích thực nhất của mình.

77. Thánh Têrêsa Calcutta, được phong thánh năm 2016, đã trở thành biểu tượng phổ quát của lòng bác ái, được sống trọn vẹn nhất vì những người nghèo khổ nhất, những người bị xã hội ruồng bỏ. Là người sáng lập Dòng Thừa Sai Bác Ái, ngài đã dành trọn cuộc đời mình cho những người hấp hối bị bỏ rơi trên đường phố Ấn Độ. Ngài đã đón nhận những người bị ruồng bỏ, rửa sạch vết thương của họ và đồng hành với họ cho đến giây phút lâm chung với lòng dịu dàng của lời cầu nguyện. Tình yêu của Mẹ dành cho những người nghèo nhất trong số những người nghèo có nghĩa là Mẹ không chỉ chăm lo cho nhu cầu vật chất của họ, mà còn loan báo Tin Mừng cho họ: “Chúng tôi muốn loan báo Tin Mừng cho người nghèo rằng Thiên Chúa yêu thương họ, rằng chúng ta yêu thương họ, rằng họ là một phần của chúng ta, rằng họ cũng được tạo dựng bởi cùng một bàn tay yêu thương của Thiên Chúa, để yêu thương và được yêu thương. Những người nghèo của chúng ta là những con người vĩ đại, là những con người rất đáng yêu, họ không cần lòng thương hại và sự cảm thông của chúng ta, họ cần tình yêu thương thấu hiểu của chúng ta. Họ cần sự tôn trọng của chúng ta; họ cần chúng ta đối xử với họ một cách tôn trọng.” [67] Tất cả những điều này xuất phát từ một nền linh đạo sâu sắc, coi việc phục vụ những người nghèo nhất là hoa trái của lời cầu nguyện và tình yêu, nguồn gốc của hòa bình đích thực, như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã nhắc nhở những người hành hương đến Rome để phong chân phước cho bà: “Mẹ Teresa tìm thấy sức mạnh ở đâu để đặt mình hoàn toàn vào việc phục vụ người khác? Bà tìm thấy sức mạnh đó trong lời cầu nguyện và trong sự chiêm ngưỡng thĩnh lặng của Chúa Giêsu Kitô, Thánh Nhan của Người, Thánh Tâm của Người. Chính bà đã nói như vậy: ‘Hoa trái của sự thĩnh lặng là lời cầu nguyện; hoa trái của lời cầu nguyện là đức tin; hoa trái của đức tin là tình yêu; hoa trái của tình yêu là sự

phục vụ.’ Chính lời cầu nguyện đã lấp đầy trái tim bà bằng chính sự bình an của Chúa Kitô và giúp bà tỏa sáng sự bình an đó cho người khác.” [68] Thánh Teresa không coi mình là một nhà từ thiện hay một nhà hoạt động, nhưng là một hiền thi của Chúa Kitô bị đóng đinh, phục vụ với tình yêu trọn vẹn những người anh chị em đau khổ của mình.

78. Tại Brazil, Thánh Dulce của Người Nghèo — được gọi là “thiên thần tốt lành của Bahia” — đã hiện thân cùng một tinh thần Tin Mừng với những đặc điểm của Brazil. Nhắc đến ngài và hai nữ tu khác được phong thánh trong cùng một buổi lễ, Đức Thánh Cha Phanxicô đã nhắc lại tình yêu của họ dành cho những thành viên bị gạt ra ngoài lề xã hội và nói rằng các vị thánh mới “cho chúng ta thấy rằng đời sống thánh hiến là một hành trình yêu thương ở những vùng ngoại vi hiện sinh của thế giới.” [69] Sơ Dulce đã đáp lại sự bấp bênh bằng sự sáng tạo, những trở ngại bằng sự dịu dàng và những nhu cầu bằng đức tin không lay chuyển. Sơ bắt đầu bằng việc tiếp nhận người bệnh trong một chuồng gà và từ đó thành lập một trong những dịch vụ xã hội lớn nhất cả nước. Sơ đã giúp đỡ hàng ngàn người mỗi ngày, mà không bao giờ đánh mất sự dịu dàng của mình, trở nên nghèo khó với người nghèo vì tình yêu dành cho Người Nghèo Nhất. Sơ sống giản dị, cầu nguyện sốt sắng và phục vụ với niềm vui. Đức tin của Sơ không làm Sơ xa cách thế gian, nhưng lại lôi kéo Sơ sâu sắc hơn vào nỗi đau của những người bé mọn nhất trong chúng ta.

79. Chúng ta cũng có thể nhắc đến những cá nhân như Thánh Benedict Menni và các Nữ tu Dòng Thánh Tâm Chúa Giêsu, những người đã làm việc cùng với người khuyết tật; Thánh Charles de Foucauld trong các cộng đồng ở Sahara; Thánh Katharine Drexel phục vụ những nhóm người nghèo nhất ở Bắc Mỹ; Sơ Emmanuelle, cùng với những người thu gom rác ở khu phố Ezbet El Nakhl của Cairo; và nhiều người khác nữa. Mỗi người, theo cách riêng của mình, đã khám phá ra rằng những người nghèo nhất không chỉ là đối tượng của lòng cảm thương của chúng ta, mà còn là những người dạy dỗ Tin Mừng. Vấn đề không phải là “mang” Chúa đến với họ, mà là gặp gỡ Người giữa họ. Tất cả những tấm gương này dạy chúng ta rằng việc phục vụ người nghèo không phải là một cử chỉ được thực hiện “từ trên cao”, mà là một cuộc gặp gỡ giữa những người bình đẳng, nơi Chúa Kitô được tỏ lộ và tôn thờ. Thánh Gioan Phaolô II đã nhắc nhở chúng ta rằng “có một sự hiện diện đặc biệt của Chúa Kitô trong người nghèo, và điều này đòi hỏi Giáo hội phải ưu tiên lựa chọn họ.” [70] Vì vậy, khi Giáo hội cúi mình xuống chăm sóc người nghèo, Giáo hội đã đặt mình vào vị thế cao nhất.

Các Phong Trào Bình Dân

80. Chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, trong suốt nhiều thế kỷ lịch sử Kitô giáo, việc giúp đỡ người nghèo và đấu tranh cho quyền lợi của họ không chỉ liên quan đến cá nhân, gia đình, định chế hay cộng đồng tu trì. Đã từng có, và vẫn còn, nhiều phong trào bình dân khác nhau do giáo dân thành lập và do các nhà lãnh đạo bình dân lãnh đạo, những người thường bị nhìn với ánh mắt nghi ngờ và thậm chí bị bức hại. Tôi đang nói đến “tất cả những người hành trình, không phải với tư cách cá nhân, mà là một cộng đồng gắn bó

chặt chẽ của tất cả và vì tất cả, một cộng đồng không bỏ rơi người nghèo và những người dễ bị tổn thương... Vậy thì, các nhà lãnh đạo ‘bình dân’ là những người có khả năng lôi kéo tất cả mọi người... Họ không xa lánh hay sợ hãi những người trẻ đã trải qua tổn thương hoặc mang gánh nặng của thập giá.” [71]

81. Những nhà lãnh đạo bình dân này biết rằng liên đới “cũng có nghĩa là đấu tranh chống lại các nguyên nhân mang tính cấu trúc của nghèo đói và bất bình đẳng; của tình trạng thiếu việc làm, đất đai và nhà ở; và của sự phủ nhận các quyền xã hội và lao động. Nó có nghĩa là đối diện với những tác động tàn phá của đế chế tiền bạc... Liên đới, được hiểu theo nghĩa sâu sắc nhất của nó, là một cách làm nên lịch sử, và đây chính là điều mà các phong trào bình dân đang làm.” [72] Vì lý do này, khi các định chế khác nhau suy nghĩ về nhu cầu của người nghèo, cần phải “bao gồm các phong trào bình dân và tiếp thêm sinh lực cho các cơ cấu quản lý địa phương, quốc gia và quốc tế bằng dòng năng lực đạo đức tuôn chảy từ việc bao gồm những người bị loại trừ trong việc xây dựng một vận mệnh chung”. [73] Thực thể, các phong trào bình dân mời gọi chúng ta vượt qua “ý tưởng về các chính sách xã hội là một chính sách dành cho người nghèo, nhưng không bao giờ với người nghèo và không bao giờ của người nghèo, càng không phải là một phần của một dự án có thể đưa mọi người lại với nhau”. [74] Nếu các chính trị gia và chuyên gia không lắng nghe họ, “nền dân chủ sẽ teo tóp, trở thành một khẩu hiệu, một hình thức; nó mất đi tính đại diện và trở nên vô hình, vì nó bỏ rơi người dân trong cuộc đấu tranh hàng ngày của họ cho phẩm giá, trong việc xây dựng tương lai của họ”. [75] Điều tương tự cũng phải được nói về các định chế của Giáo hội.

CHƯƠNG BỐN: MỘT LỊCH SỬ VẪN TIẾP TỤC

Thế kỷ Học thuyết Xã hội của Giáo hội

82. Sự gia tăng nhanh chóng của những thay đổi về kỹ thuật và xã hội trong hai thế kỷ qua, với tất cả những mâu thuẫn và xung đột của nó, không chỉ tác động đến cuộc sống của người nghèo mà còn trở thành đối tượng tranh luận và suy tư của họ. Các phong trào khác nhau của công nhân, phụ nữ và thanh thiếu niên, cùng với cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, đã khơi dậy một sự trân trọng mới về phẩm giá của những người bên lề xã hội. Học thuyết Xã hội của Giáo hội cũng xuất hiện từ nền tảng này. Việc phân tích mặc khải Kitô giáo trong bối cảnh các vấn đề xã hội, lao động, kinh tế và văn hóa hiện đại sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự đóng góp của giáo dân, cả nam lẫn nữ, những người đã vật lộn với những vấn đề lớn của thời họ. Bên cạnh họ là những nam nữ tu sĩ, những người hiện thân một Giáo hội dẫn đầu theo những hướng đi mới. Sự thay đổi mang tính thời đại mà chúng ta đang trải qua càng làm cho sự tương tác liên tục giữa tín hữu và Huấn quyền Giáo hội, giữa người dân thường và chuyên gia, giữa cá nhân và tổ chức trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Ở đây, một lần nữa cần phải thừa nhận rằng thực tại được nhìn nhận tốt nhất từ bên ngoài, và người nghèo sở hữu những hiểu biết độc đáo, thiết yếu đối với Giáo hội và toàn thể nhân loại.

83. Huấn quyền Giáo hội trong 150 năm qua là một kho tàng giáo huấn quan trọng thực sự về người nghèo. Các Giám mục Rôma đã lên tiếng về những hiểu biết mới được chất lọc thông qua quá trình phân định của Giáo hội. Ví dụ, trong Thông điệp *Rerum Novarum*, Đức Lêô XIII đã đề cập đến vấn đề lao động, chỉ ra điều kiện sống không thể chịu đựng được của nhiều công nhân kỹ nghệ và lập luận cho việc thiết lập một trật tự xã hội công bằng. Các vị Giáo hoàng khác cũng đã nói về chủ đề này. Thánh Gioan XXIII, trong Thông điệp *Mater et Magistra* (1961), đã kêu gọi công lý trên phạm vi toàn cầu: các nước giàu không thể tiếp tục thờ ơ với các nước đang phải chịu đựng nạn đói và nghèo cùng cực; thay vào đó, họ được kêu gọi hỗ trợ các nước này một cách quảng đại bằng tất cả tài sản của mình.

84. Công đồng Vatican II đánh dấu một cột mốc quan trọng trong sự hiểu biết của Giáo hội về người nghèo trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Mặc dù chủ đề này vẫn còn nằm ngoài lề trong các văn kiện chuẩn bị, Thánh Gioan XXIII, trong Sứ điệp Phát thanh ngày 11 tháng 9 năm 1962, một tháng trước khi khai mạc Công đồng, đã kêu gọi sự chú ý đến vấn đề này. Bằng những lời đáng nhớ của ngài, “Giáo hội tự trình bày mình như mình là và như mình mong muốn: Giáo hội của mọi người và đặc biệt là Giáo hội của người nghèo.” [76] Những nỗ lực mạnh mẽ của các giám mục, nhà thần học và chuyên gia quan tâm đến việc đổi mới Giáo hội — với sự hỗ trợ của chính Thánh Gioan XXIII — đã mang lại cho Công đồng một hướng đi mới. Vị trí trung tâm của Chúa Kitô trong những xem xét này, cả trên bình diện giáo lý lẫn xã hội, sẽ chứng tỏ có tính nền tảng. Nhiều Nghị phụ Công đồng đã ủng hộ cách tiếp cận này, như Đức Hồng Y Lercaro đã diễn đạt một cách hùng hồn trong bài phát biểu của ngài vào ngày 6 tháng 12 năm 1962: “Mầu nhiệm Chúa Kitô trong Giáo hội luôn luôn là và ngày nay, theo một cách đặc biệt, là mầu nhiệm Chúa Kitô trong người nghèo.” [77] Ngài tiếp tục nói rằng, “đây không chỉ là một chủ đề trong số những chủ đề khác, nhưng theo một nghĩa nào đó, là chủ đề duy nhất của toàn bộ Công đồng.” [78] Đức Tổng Giám Mục Bologna, khi chuẩn bị văn bản cho bài phát biểu này, đã lưu ý như sau: “Đây là giờ của người nghèo, của hàng triệu người nghèo trên khắp thế giới. Đây là giờ của mầu nhiệm Giáo hội là mẹ của người nghèo. Đây là giờ của mầu nhiệm Chúa Kitô, hiện diện đặc biệt trong người nghèo.” [79] Ngày càng có cảm giác cần phải có một hình ảnh mới về Giáo hội, một hình ảnh đơn giản và nghiêm túc hơn, bao gồm toàn thể dân Chúa và sự hiện diện của Giáo hội trong lịch sử. Một Giáo hội giống Chúa của mình hơn các quyền lực thế gian và nỗ lực thúc đẩy cam kết cụ thể của toàn thể nhân loại trong việc giải quyết vấn đề nghèo đói to lớn trên thế giới.

85. Khi khai mạc khóa họp thứ hai của Công đồng, Thánh Phaolô VI đã tiếp nối mối quan tâm này do vị tiền nhiệm của ngài nêu ra, cụ thể là Giáo hội đặc biệt quan tâm đến “người nghèo, người túng thiếu, người đau khổ, người đói khát, người đau khổ, người bị giam cầm, nghĩa là Giáo hội hướng đến toàn thể nhân loại đang đau khổ và than khóc: Giáo hội là một phần của họ nhờ quyền Tin Mừng.” [80] Trong buổi tiếp kiến chung ngày 11 tháng 11 năm 1964, ngài đã chỉ ra rằng “người nghèo là đại diện của Chúa Kitô,” và so sánh hình ảnh Chúa nơi người nghèo với hình ảnh được thấy nơi Đức Giáo Hoàng. Ngài khẳng định chân lý này bằng những lời sau: “Hình ảnh Chúa Kitô nơi người nghèo mang tính

phổ quát; mỗi người nghèo đều phản ánh Chúa Kitô; hình ảnh của Đức Giáo Hoàng mang tính bản thân... Người nghèo và Thánh Phêrô có thể là một trong cùng một con người, được khoác lên mình hình ảnh kép; hình ảnh của sự nghèo khó và hình ảnh của quyền bính.” [81] Bằng cách này, mối liên hệ nội tại giữa Giáo hội và người nghèo đã được diễn tả một cách biểu tượng và rõ ràng chưa từng có.

86. Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, dựa trên giáo huấn của các Giáo phụ, mạnh mẽ tái khẳng định mục đích phổ quát của của cải trần gian và chức năng xã hội của tài sản phát sinh từ đó. Hiến chế tuyên bố rằng “Thiên Chúa đã định sẵn trái đất và tất cả những gì chứa đựng trong đó cho mọi người và mọi quốc gia, để mọi tạo vật được chia sẻ công bằng cho toàn thể nhân loại dưới sự hướng dẫn của công lý được điều hòa bởi đức ái... Khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà họ sở hữu hợp pháp không chỉ là của riêng mình mà còn là của chung cho người khác, theo nghĩa là chúng có thể mang lại lợi ích cho cả người khác lẫn chính họ. Do đó, mọi người đều có quyền sở hữu một lượng của cải trần gian vừa đủ cho bản thân và gia đình... Những người trong hoàn cảnh cùng cực có quyền lấy những gì họ cần từ của cải của người khác... Theo bản chất của nó, quyền tư hữu có một chiều kích xã hội dựa trên luật mục đích chung của của cải trần gian. Bất cứ khi nào khía cạnh xã hội bị lãng quên, quyền sở hữu thường có thể trở thành đối tượng của lòng tham và là nguồn gốc của sự hỗn loạn nghiêm trọng.” [82] Niềm tin này đã được Thánh Phaolô VI nhắc lại trong Thông điệp *Populorum Progressio* của ngài. Trong đó, chúng ta đọc thấy rằng không ai được phép “chiếm đoạt của cải dư thừa chỉ để sử dụng riêng cho mình khi những người khác thiếu những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống.” [83] Trong bài phát biểu trước Liên Hiệp Quốc, Đức Phaolô VI đã phát biểu với tư cách là người bênh vực người nghèo [84] và thúc giục cộng đồng quốc tế xây dựng một thế giới liên đới.

87. Với Thánh Gioan Phaolô II, mối quan hệ ưu tiên của Giáo hội với người nghèo đã được củng cố, đặc biệt là từ quan điểm giáo lý. Giáo huấn của ngài nhìn thấy trong việc lựa chọn người nghèo một “hình thức ưu tiên đặc biệt trong việc thực hành bác ái Kitô giáo, điều mà toàn thể truyền thống của Giáo hội làm chứng.” [85] Trong Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, ngài tiếp tục nói: “Ngày nay, hơn nữa, xét theo chiều kích hoàn cầu mà vấn đề xã hội đã đảm nhận, tình yêu ưu tiên dành cho người nghèo này, và những quyết định mà nó gợi hứng cho chúng ta, không thể không bao gồm vô số người đói khát, người túng thiếu, người vô gia cư, những người không được chăm sóc y tế và, trên hết, những người không có hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Không thể không tính đến sự hiện hữu của những thực tại này. Làm ơn chúng ta có nghĩa là trở nên giống như ‘người giàu có’ giả vờ không biết đến người ăn xin Ladarô nằm trước cổng nhà mình (x. Lc 16,19-31).” [86] Giáo huấn của Thánh Gioan Phaolô II về lao động cũng rất quan trọng để chúng ta xem xét vai trò tích cực mà người nghèo phải đóng trong công cuộc đổi mới Giáo hội và xã hội, từ đó bỏ lại phía sau một số “chủ nghĩa cha chú” chỉ giới hạn ở việc đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của người nghèo. Trong Thông điệp *Laborem Exercens*, ngài đã thẳng thắn tuyên bố rằng “lao động của con người là chìa khóa, có lẽ là chìa khóa thiết yếu, cho toàn bộ vấn đề xã hội”. [87]

88. Giữa những cuộc khủng hoảng đa dạng đánh dấu sự khởi đầu của thiên niên kỷ thứ ba, giáo huấn của Đức Bênêdictô XVI đã có một bước ngoặt chính trị rõ rệt hơn. Do đó, trong Thông điệp *Caritas in Veritate*, ngài khẳng định rằng “chúng ta càng nỗ lực bảo đảm công ích tương ứng với những nhu cầu thực sự của người lân cận, thì chúng ta càng yêu thương họ một cách hữu hiệu”. [88] Hơn nữa, ngài nhận xét rằng “nạn đói không phụ thuộc nhiều vào việc thiếu thốn vật chất mà là vào việc thiếu hụt các nguồn lực xã hội, trong đó quan trọng nhất là các nguồn lực định chế. Nói cách khác, điều còn thiếu là một mạng lưới các tổ chức kinh tế có khả năng đảm bảo được tiếp cận thường xuyên với việc đủ lương thực và nước uống cho nhu cầu dinh dưỡng, đồng thời có khả năng giải quyết các nhu cầu và điều cần thiết để nhất đẳng phát sinh từ các cuộc khủng hoảng lương thực thực sự, dù là do nguyên nhân tự nhiên hay sự vô trách nhiệm về mặt chính trị, trên phạm vi quốc gia và quốc tế.” [89]

89. Đức Thánh Cha Phanxicô nhận thấy rằng trong những thập niên gần đây, bên cạnh những giáo huấn của các Giám mục Rôma, các Hội đồng Giám mục quốc gia và khu vực ngày càng lớn tiếng. Chẳng hạn, ngài có thể đích thân chứng thực cam kết đặc biệt của hàng giám mục Mỹ Latinh trong việc suy nghĩ lại về mối quan hệ của Giáo hội với người nghèo. Ngay sau Công đồng, ở hầu hết các quốc gia Mỹ Latinh, Giáo hội nhận thức sâu sắc về nhu cầu đồng nhất với người nghèo và tích cực tham gia vào việc bảo đảm tự do cho họ. Giáo hội xúc động trước số đông người nghèo đang phải chịu cảnh thất nghiệp, thiếu việc làm, lương bổng bất công và điều kiện sống dưới mức tiêu chuẩn. Sự tử đạo của Thánh Oscar Romero, Tổng Giám mục San Salvador, là một chứng tá mạnh mẽ và là nguồn cảm hứng cho Giáo hội. Ngài đã đặt hoàn cảnh của đại đa số giáo dân của mình vào đó và biến họ thành trung tâm trong tầm nhìn mục vụ của mình. Các Hội nghị Giám mục Mỹ Latinh được tổ chức tại Medellín, Puebla, Santo Domingo và Aparecida cũng là những sự kiện quan trọng đối với đời sống của toàn thể Giáo hội. Đối với tôi, sau nhiều năm phục vụ với tư cách là nhà truyền giáo ở Peru, tôi vô cùng biết ơn tiến trình phân định của Giáo hội này, mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khôn ngoan liên kết với tiến trình của các Giáo hội địa phương khác, đặc biệt là các Giáo hội ở Nam bán cầu. Giờ đây, tôi muốn đề cập đến hai chủ đề cụ thể trong giáo huấn giám mục này.

Các cấu trúc tội lỗi tạo ra nghèo đói và bất bình đẳng cực độ

90. Tại Medellín, các giám mục đã tuyên bố ủng hộ một lựa chọn ưu tiên cho người nghèo: “Chúa Kitô, Đấng Cứu Độ chúng ta, không chỉ yêu thương người nghèo, mà ‘vốn giàu có, Người đã trở nên nghèo khó.’ Người đã sống một cuộc đời nghèo khó, tập trung sứ mệnh của mình vào việc rao giảng sự giải phóng cho họ, và thành lập Giáo hội của Người như một dấu chỉ của sự nghèo khó này giữa chúng ta... Sự nghèo khó mà rất nhiều anh chị em chúng ta phải chịu đựng đang kêu gào công lý, tình liên đới, chứng tá, cam kết và nỗ lực hướng đến việc chấm dứt nó, để sứ mệnh cứu độ mà Chúa Kitô giao phó có thể được hoàn thành trọn vẹn.” [90] Các giám mục đã mạnh mẽ tuyên bố rằng, để hoàn toàn trung thành với ơn gọi của mình, Giáo hội không chỉ phải chia sẻ hoàn cảnh của người

nghèo, mà còn phải sát cánh bên họ và tích cực hoạt động cho sự phát triển toàn diện của họ. Trước tình trạng nghèo đói ngày càng trầm trọng ở Mỹ Latinh, Hội nghị Puebla đã xác nhận quyết định Medellin ủng hộ một lựa chọn thẳng thắn và mang tính tiên tri cho người nghèo và mô tả các cấu trúc bất công là một “tội lỗi xã hội”.

91. Bác ái có sức mạnh thay đổi thực tại; nó là một động lực đích thực cho sự thay đổi trong lịch sử. Nó là nguồn cảm hứng và dẫn dắt mọi nỗ lực “giải quyết các nguyên nhân cấu trúc của nghèo đói” [91] và phải làm như vậy một cách cấp bách. Tôi hy vọng rằng chúng ta sẽ thấy ngày càng nhiều “chính trị gia có khả năng đối thoại chân thành và hiệu quả nhằm chữa lành gốc rễ sâu xa nhất – chứ không chỉ là vẻ bề ngoài – của những tệ nạn trên thế giới của chúng ta”. [92] Bởi vì “vấn đề là lắng nghe tiếng kêu của toàn thể các dân tộc, những dân tộc nghèo nhất trên trái đất”. [93]

92. Do đó, chúng ta phải tiếp tục lên án “chế độ độc tài của một nền kinh tế giết người”, và thừa nhận rằng “trong khi thu nhập của một nhóm thiểu số đang tăng theo cấp số nhân, thì khoảng cách giữa đại đa số và sự thịnh vượng mà số ít may mắn được hưởng cũng tăng theo cấp số nhân. Sự mất cân bằng này là kết quả của các ý thức hệ luôn bảo vệ quyền tự chủ tuyệt đối của thị trường và đầu cơ tài chính. Do đó, chúng bác bỏ quyền của các quốc gia, vốn luôn cảnh giác vì lợi ích chung, được thực hiện bất cứ hình thức kiểm soát nào. Một chế độ chuyên chế mới đang ra đời, vô hình và thường là ảo, đơn phương và không ngừng áp đặt luật lệ và quy tắc của riêng mình.” [94] Không thiếu các lý thuyết cố gắng biện minh cho tình trạng hiện tại hoặc giải thích rằng tư duy kinh tế đòi hỏi chúng ta phải chờ đợi các lực lượng thị trường vô hình giải quyết mọi thứ. Tuy nhiên, phẩm giá của mỗi con người phải được tôn trọng hôm nay, chứ không phải ngày mai, và sự nghèo đói cùng cực của tất cả những người bị tước đoạt phẩm giá này nên luôn đè nặng lên lương tâm chúng ta.

93. Trong Thông điệp *Dilexit Nos*, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhắc nhở chúng ta rằng tội lỗi xã hội cũng có một “cấu trúc tội lỗi” trong xã hội, và thường là “một phần của tư duy thống trị vốn coi những gì chỉ là ích kỷ và thờ ơ là bình thường hoặc hợp lý. Điều này sau đó dẫn đến sự tha hóa xã hội.” [95] Khi đó, việc phớt lờ người nghèo và sống như thể họ không hiện hữu trở nên bình thường. Tương tự, việc tổ chức nền kinh tế theo cách đòi hỏi quần chúng phải hy sinh để phục vụ nhu cầu của những người có quyền lực dường như cũng hợp lý. Trong khi đó, người nghèo chỉ được hứa hẹn một vài “giọt” nhỏ giọt, cho đến khi cuộc khủng hoảng toàn cầu tiếp theo đưa mọi thứ trở lại vị trí cũ. Một hình thức tha hóa thực sự xuất hiện khi chúng ta giới hạn bản thân vào những lời bào chữa lý thuyết thay vì tìm cách giải quyết những vấn đề cụ thể của những người đau khổ. Thánh Gioan Phaolô II đã nhận định rằng, “một xã hội bị tha hóa nếu các hình thức tổ chức xã hội, sản xuất và tiêu dùng của nó khiến việc trao ban bản thân và thiết lập tình liên đới giữa mọi người trở nên khó khăn hơn.” [96]

94. Chúng ta cần ngày càng cam kết giải quyết các nguyên nhân mang tính cấu trúc của nghèo đói. Đây là một nhu cầu cấp thiết “không thể trì hoãn, không chỉ vì lý do thực dụng

là tính cấp thiết của nó đối với trật tự xã hội tốt đẹp, mà còn bởi vì xã hội cần được chữa khỏi một căn bệnh đang làm suy yếu và gây khó khăn cho nó, và điều này chỉ có thể dẫn đến những cuộc khủng hoảng mới. Các dự án phúc lợi, vốn đáp ứng một số nhu cầu cấp thiết, nên chỉ được coi là những giải pháp tạm thời.” [97] Tôi chỉ có thể khẳng định một lần nữa rằng bất bình đẳng “là gốc rễ của các tệ nạn xã hội.” [98] Thật vậy, “thường thấy rõ ràng rằng, trên thực tế, quyền con người không bình đẳng cho tất cả mọi người.” [99]

95. Thực tế là, “mô hình hiện thời, với sự nhấn mạnh vào thành công và khả năng tự lập, dường như không ủng hộ việc đầu tư vào các nỗ lực giúp đỡ những người chậm chạp, yếu đuối hoặc kém tài năng tìm kiếm cơ hội trong cuộc sống.” [100] Những câu hỏi tương tự cứ liên tục xuất hiện trong đầu chúng ta. Liệu điều này có nghĩa là những người kém tài năng không phải là con người? Hay những người yếu đuối không có cùng phẩm giá như chúng ta? Liệu những người sinh ra với ít cơ hội hơn có giá trị thấp hơn với tư cách là con người không? Liệu họ có nên chỉ giới hạn bản thân trong việc sống còn? Giá trị của xã hội chúng ta, và tương lai của chính chúng ta, phụ thuộc vào câu trả lời mà chúng ta đưa ra cho những câu hỏi này. Hoặc chúng ta lấy lại phẩm giá đạo đức và tinh thần, hoặc chúng ta sẽ rơi vào vũng lầy. Nếu chúng ta không dừng lại và xem xét vấn đề này một cách nghiêm túc, chúng ta sẽ tiếp tục, công khai hoặc lén lút, “hợp pháp hóa mô hình phân phối hiện tại, nơi một nhóm thiểu số tin rằng họ có quyền tiêu thụ theo cách không bao giờ có thể phổ cập hóa, bởi vì hành tinh này thậm chí không thể chứa được chất thải của loại tiêu thụ đó.” [101]

96. Một vấn đề mang tính cấu trúc không thể giải quyết một cách thực tế từ trên xuống và cần được giải quyết càng nhanh càng tốt liên quan đến địa điểm, khu phố, nhà cửa và thành phố nơi người nghèo sinh sống và dành thời gian của họ. Tất cả chúng ta đều trân trọng vẻ đẹp của “những thành phố vượt qua sự ngột ngạt tẻ liệt, hòa nhập những người khác biệt và biến chính sự hòa nhập này thành một yếu tố phát triển mới! Thật hấp dẫn biết bao những thành phố, ngay cả trong thiết kế kiến trúc của chúng, đầy những không gian kết nối, liên hệ và ủng hộ việc công nhận lẫn nhau!” [102] Tuy nhiên, đồng thời, “chúng ta không thể không xem xét những tác động của sự suy thoái môi trường, các mô hình phát triển hiện tại và văn hóa vứt bỏ đối với cuộc sống của con người.” [103] Bởi vì “sự suy thoái của môi trường và xã hội ảnh hưởng đến những người dễ bị tổn thương nhất trên hành tinh.” [104]

97. Tất cả các thành viên của dân Chúa có bổn phận phải lên tiếng, mặc dù bằng những cách khác nhau, để chỉ ra và tố cáo những vấn đề mang tính cấu trúc như vậy, ngay cả khi phải trả giá bằng việc tỏ ra ngu ngốc hoặc ngây thơ. Các cấu trúc bất công cần được nhận ra và xóa bỏ bằng sức mạnh của điều thiện, bằng cách thay đổi tư duy, nhưng cũng cần, với sự trợ giúp của khoa học và kỹ thuật, bằng cách phát triển các chính sách hiệu quả cho sự thay đổi xã hội. Không bao giờ được quên rằng sứ điệp Tin Mừng không chỉ liên quan đến mối quan hệ bản thân của một cá nhân với Chúa, mà còn liên quan đến một điều gì đó lớn lao hơn: “Nước Thiên Chúa (x. Lc 4:43); đó là về việc yêu mến Thiên Chúa, Đấng đang ngự trị trong thế giới của chúng ta. Trong chừng mực Người ngự trị trong

chúng ta, đời sống xã hội sẽ là môi trường cho tình huynh đệ phổ quát, công lý, hòa bình và phẩm giá. Do đó, cả lời rao giảng và đời sống Kitô giáo đều phải tác động đến xã hội. Chúng ta đang tìm kiếm Vương quốc Thiên Chúa.” [105]

98. Cuối cùng, trong một văn kiện ban đầu không được mọi người đón nhận nồng nhiệt, chúng ta tìm thấy một suy tư vẫn còn giá trị thời sự cho đến ngày nay: “Những người bảo vệ chính thống đôi khi bị cáo buộc là thụ động, khoan dung, hoặc đồng lõa đáng trách liên quan đến những tình trạng bất công không thể chấp nhận được và các chế độ chính trị kéo dài chúng. Sự hoán cải tâm linh, tình yêu mãnh liệt dành cho Thiên Chúa và tha nhân, lòng nhiệt thành vì công lý và hòa bình, ý nghĩa Tin Mừng về người nghèo và sự nghèo khó, là những điều đòi hỏi mọi người, đặc biệt là các mục tử và những người có trách nhiệm. Mỗi quan tâm đến sự tinh tuyền của đức tin đòi hỏi phải đưa ra lời đáp trả bằng chứng tá hữu hiệu trong việc phục vụ tha nhân, đặc biệt là người nghèo và người bị áp bức, theo một cách thức thần học toàn diện.” [106]

Người nghèo như những chủ thể

99. Đời sống của Giáo hội hoàn vũ đã được làm phong phú thêm nhờ sự phân định của Hội nghị Aparecida, trong đó các giám mục Mỹ Latinh đã làm rõ rằng lựa chọn ưu tiên của Giáo hội dành cho người nghèo “ngầm ẩn trong đức tin Kitô học vào Thiên Chúa, Đấng đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để làm cho chúng ta trở nên giàu có nhờ sự nghèo khó của Người”. [107] Văn kiện Aparecida đặt sứ mạng của Giáo hội vào bối cảnh hiện tại của một thế giới hoàn cầu hóa, nơi đang bị đánh dấu bởi những mất cân bằng mới và nghiêm trọng. [108] Trong Sứ điệp Kết thúc, các giám mục đã viết: “Những khác biệt rõ rệt giữa người giàu và người nghèo mời gọi chúng ta làm việc với cam kết lớn hơn để trở thành những môn đệ có khả năng chia sẻ bàn tiệc sự sống, bàn tiệc của tất cả con cái Chúa Cha, một bàn tiệc cởi mở và bao gồm, không ai bị loại trừ. Do đó, chúng tôi tái khẳng định lựa chọn ưu tiên và mang tính Tin Mừng của chúng tôi dành cho người nghèo”. [109]

100. Đồng thời, Văn kiện, tiếp nối một chủ đề đã được đề cập trong các Hội nghị trước đây của hàng Giám mục Mỹ Latinh, nhấn mạnh đến sự cần thiết phải xem các cộng đồng bị gạt ra ngoài lề xã hội như những chủ thể có khả năng tạo ra nền văn hóa riêng của họ, chứ không phải như những đối tượng bác ái của người khác. Điều này có nghĩa là các cộng đồng này có quyền đón nhận Tin Mừng, cử hành và truyền đạt đức tin của mình phù hợp với các giá trị hiện diện trong nền văn hóa của chính họ. Kinh nghiệm về nghèo đói của họ cho họ khả năng nhận ra những khía cạnh của thực tại mà người khác không thể nhìn thấy; vì lý do này, xã hội cần lắng nghe họ. Điều tương tự cũng đúng với Giáo hội, vốn nên nhìn nhận tích cực việc thực hành đức tin “phổ thông” của họ. Một đoạn văn hay từ Văn kiện Aparecida có thể giúp chúng ta suy ngẫm về điểm này và đưa ra câu trả lời thích hợp: “Chỉ có sự gần gũi khiến chúng ta trở thành bạn bè mới có thể trân trọng sâu sắc các giá trị của người nghèo ngày nay, những khát vọng chính đáng của họ, và cách sống đức tin của chính họ... Ngày qua ngày, người nghèo trở thành tác nhân của công

cuộc truyền giáo và thăng tiến con người toàn diện: họ giáo dục con cái mình về đức tin, tham gia vào tình liên đới liên tục giữa người thân và hàng xóm, không ngừng tìm kiếm Thiên Chúa, và ban sức sống cho cuộc lữ hành của Giáo Hội. Dưới ánh sáng Tin Mừng, chúng ta nhận ra phẩm giá vô biên và giá trị thánh thiêng của họ trong mắt Chúa Kitô, Đấng đã nghèo khó như họ và bị loại trừ giữa họ. Dựa trên kinh nghiệm đức tin này, chúng ta sẽ cùng họ bảo vệ quyền lợi của họ.” [110]

101. Tất cả những điều này hàm chứa một khía cạnh của việc lựa chọn người nghèo mà chúng ta phải luôn ghi nhớ, đó là nó đòi hỏi chúng ta phải có thái độ quan tâm đến người khác. “Sự quan tâm yêu thương này là khởi đầu của một mối quan tâm thực sự đến con người của họ, thúc đẩy tôi tìm kiếm lợi ích cho họ một cách hữu hiệu. Điều này hàm chứa việc trân trọng người nghèo trong lòng tốt của họ, trong kinh nghiệm sống của họ, trong văn hóa của họ, và trong cách sống đức tin của họ. Tình yêu đích thực luôn mang tính chiêm nghiệm, và cho phép chúng ta phục vụ người khác không phải vì nhu cầu hay phù phiếm, nhưng đúng hơn là bởi vì người ấy đẹp hơn về bề ngoài... Chỉ trên nền tảng của sự gần gũi thực sự và chân thành này, chúng ta mới có thể đồng hành đúng đắn với người nghèo trên con đường giải phóng họ.” [111] Vì lý do này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến tất cả những ai đã chọn sống giữa người nghèo, không chỉ thỉnh thoảng đến thăm họ mà còn sống với họ như họ vẫn sống. Một quyết định như vậy nên được coi là một trong những hình thức cao nhất của đời sống Tin Mừng.

102. Dưới ánh sáng này, rõ ràng là tất cả chúng ta phải “đề mình được người nghèo truyền bá Tin Mừng” [112] và nhìn nhận “sự khôn ngoan huyền nhiệm mà Thiên Chúa muốn chia sẻ với chúng ta qua họ.” [113] Lớn lên trong hoàn cảnh bấp bênh, học cách sinh tồn trong những điều kiện khắc nghiệt nhất, tin tưởng vào Thiên Chúa với sự đảm bảo rằng không ai khác coi trọng họ, và giúp đỡ lẫn nhau trong những khoảnh khắc đen tối nhất, người nghèo đã học được nhiều điều mà họ giấu kín trong lòng. Những ai trong chúng ta chưa từng có những trải nghiệm tương tự về cuộc sống theo cách này chắc chắn có thể học được nhiều điều từ nguồn khôn ngoan là kinh nghiệm của người nghèo. Chỉ bằng cách liên hệ những lời than phiền của chúng ta với những đau khổ và thiếu thốn của họ, chúng ta mới có thể trải nghiệm một sự khiển trách có thể thách thức chúng ta đơn giản hóa cuộc sống của mình.

CHƯƠNG NĂM: MỘT THÁCH THỨC LIÊN TỤC

103. Tôi đã chọn nhắc lại lịch sử lâu đời về việc Giáo hội chăm sóc người nghèo và với người nghèo để làm rõ rằng điều này luôn là một phần trọng tâm trong đời sống của Giáo hội. Thật vậy, việc chăm sóc người nghèo là một phần của Truyền thống vĩ đại của Giáo hội, như một ngọn hải đăng của ánh sáng Tin Mừng để soi sáng tâm hồn và dẫn dắt các quyết định của Kitô hữu trong mọi thời đại. Đó là lý do tại sao chúng ta phải cảm thấy có trách nhiệm mời gọi mọi người chia sẻ ánh sáng và cuộc sống nảy sinh từ việc nhận ra Chúa Kitô nơi khuôn mặt của những người đau khổ và những người túng thiếu. Tình yêu dành cho người nghèo là một yếu tố thiết yếu trong lịch sử Thiên Chúa đối xử với chúng

ta; tình yêu này xuất phát từ trái tim của Giáo hội như một lời kêu gọi liên tục đến trái tim của các tín hữu, cả cá nhân lẫn cộng đồng. Là Thân thể Chúa Kitô, Giáo hội trải nghiệm cuộc sống của người nghèo như chính “xác thịt” của mình, vì họ có một vị trí đặc quyền trong dân Thiên Chúa đang lữ hành. Do đó, tình yêu dành cho người nghèo – dù sự nghèo khó của họ có hình thức nào – là dấu ấn Tin mừng của một Giáo hội trung thành với trái tim của Thiên Chúa. Thật vậy, một trong những ưu tiên của mọi phong trào đổi mới trong Giáo hội luôn là mối quan tâm ưu tiên dành cho người nghèo. Theo nghĩa này, công việc của Giáo hội với người nghèo khác biệt về nguồn cảm hứng và phương pháp so với công việc của bất cứ tổ chức nhân đạo nào khác.

104. Không một Kitô hữu nào có thể chỉ xem người nghèo như một vấn đề xã hội; họ là một phần của “gia đình” chúng ta. Họ là “một người trong chúng ta”. Mối quan hệ của chúng ta với người nghèo cũng không thể bị giản lược thành một hoạt động hay chức năng khác của Giáo hội. Theo Văn kiện Aparecida, “chúng ta được mời gọi dành thời gian cho người nghèo, dành cho họ sự quan tâm yêu thương, lắng nghe họ với sự quan tâm, sát cánh bên họ trong những lúc khó khăn, chọn dành hàng giờ, hàng tuần hoặc hàng năm trời với họ, và nỗ lực biến đổi hoàn cảnh của họ, bắt đầu từ chính họ. Chúng ta không thể quên rằng đây chính là điều Chúa Giêsu đã đề ra trong hành động và lời nói của Người.” [114]

Người Samaritanô nhân hậu, một lần nữa

105. Nền văn hóa thống trị vào đầu thiên niên kỷ này muốn chúng ta bỏ mặc người nghèo cho số phận của họ và coi họ không đáng được quan tâm, chứ đừng nói đến việc tôn trọng họ. Đức Thánh Cha Phanxicô, trong Thông điệp *Fratelli Tutti*, đã thách thức chúng ta suy gẫm về dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu (x. *Lc* 10:25-37), dụ ngôn trình bày những phản ứng khác nhau của những người chứng kiến cảnh một người bị thương nằm bên đường. Chỉ có Người Samaritanô nhân hậu dừng lại và chăm sóc người ấy. Đức Thánh Cha Phanxicô tiếp tục hỏi mỗi người chúng ta: “Bạn đồng nhất với ai trong số những người này? Câu hỏi này, tuy thẳng thắn, nhưng lại rất trực tiếp và sâu sắc. Bạn giống với nhân vật nào trong số họ? Chúng ta cần thừa nhận rằng chúng ta luôn bị cám dỗ bỏ mặc người khác, đặc biệt là những người yếu đuối. Chúng ta hãy thừa nhận rằng, bất chấp tất cả những tiến bộ mà chúng ta đã đạt được, chúng ta vẫn còn “mù chữ” khi nói đến việc đồng hành, chăm sóc và hỗ trợ những thành viên yếu đuối và dễ bị tổn thương nhất trong các xã hội phát triển của chúng ta. Chúng ta đã quen với việc nhìn đi hướng khác, lướt qua, và lờ đi những tình huống cho đến khi chúng ảnh hưởng trực tiếp đến chúng ta.” [115]

106. Điều quan trọng là chúng ta phải nhận ra rằng câu chuyện về Người Samaritanô nhân hậu vẫn còn mang tính thời sự cho đến ngày nay. “Nếu tôi gặp một người ngủ ngoài trời vào một đêm lạnh giá, tôi có thể coi người đó là một sự phiền toái, một kẻ lười biếng, một chướng ngại vật trên đường đi của tôi, một cảnh tượng đáng lo ngại, một vấn đề mà các chính trị gia phải giải quyết, hoặc thậm chí là một mảnh rác thải bừa bãi nơi công

cộng. Hoặc tôi có thể đáp lại bằng đức tin và lòng bác ái, và nhìn thấy ở người này một con người có phẩm giá giống hệt tôi, một tạo vật được Chúa Cha yêu thương vô bờ bến, một hình ảnh của Thiên Chúa, một người anh chị em được Chúa Giêsu Kitô cứu chuộc. Đó chính là bản chất của một Kitô hữu! Liệu sự thánh thiện có thể được hiểu bằng cách nào đó ngoài sự nhận thức sống động về phẩm giá này của mỗi con người?” [116] Người Samaritanô nhân hậu đã làm gì?

107. Những câu hỏi này càng trở nên cấp bách hơn khi xét đến một khiếm khuyết nghiêm trọng hiện diện trong đời sống xã hội chúng ta, cũng như trong các cộng đồng Kitô giáo của chúng ta. Nhiều hình thức thờ ơ mà chúng ta thấy xung quanh thực chất là “dấu hiệu của một cách tiếp cận cuộc sống đang lan rộng theo nhiều cách thức tinh vi khác nhau. Hơn nữa, vì chúng ta bận tâm đến những nhu cầu của riêng mình, việc nhìn thấy một người đang đau khổ khiến chúng ta lo lắng. Nó khiến chúng ta bất an, vì chúng ta không có thời gian để lắng nghe cho những vấn đề của người khác. Đây là những triệu chứng của một xã hội không lành mạnh. Một xã hội tìm kiếm sự thịnh vượng nhưng lại quay lưng lại với đau khổ. Xin cho chúng ta đừng sa vào vực sâu như vậy! Chúng ta hãy nhìn vào tấm gương của Người Samaritanô nhân hậu.” [117] Những lời cuối cùng của dụ ngôn Tin Mừng — “Hãy đi và làm như vậy” (Lc 10:37) — nói lên một mệnh lệnh mà mỗi Kitô hữu phải ghi nhớ hằng ngày.

Một thách đố không thể tránh khỏi cho Giáo hội ngày nay

108. Vào một thời điểm đặc biệt quan trọng trong lịch sử Giáo hội Rôma, khi các định chế đế quốc đang sụp đổ dưới áp lực của những cuộc xâm lược man rợ, Đức Thánh Giáo hoàng Grêgôriô Cả cảm thấy cần phải nhắc nhở các tín hữu: “Mỗi phút chúng ta có thể tìm thấy một Ladarô nếu chúng ta tìm kiếm ông ấy, và mỗi ngày, ngay cả khi không tìm kiếm, chúng ta vẫn thấy một người ở trước cửa nhà mình. Bây giờ, những người ăn xin vây quanh chúng ta, cầu xin bố thí; sau này họ sẽ là những người bênh vực chúng ta... Vì vậy, đừng bỏ lỡ cơ hội làm việc bác ái; đừng tích trữ những điều tốt đẹp mà bạn đang có mà không sử dụng.” [118] Đức Grêgôriô đã dũng cảm lên án các hình thức định kiến đương thời đối với người nghèo, bao gồm cả niềm tin rằng họ phải chịu trách nhiệm về hoàn cảnh của mình: “Bất cứ khi nào bạn thấy người nghèo làm điều gì đó đáng chê trách, đừng khinh thường hoặc hạ thấp uy tín của họ, vì ngọn lửa của sự nghèo đói có lẽ đang thanh tẩy những hành động tội lỗi của họ, dù chúng có nhỏ đến đâu.” [119] Không hiếm khi, sự thịnh vượng của chúng ta có thể khiến chúng ta mù quáng trước nhu cầu của người khác, và thậm chí khiến chúng ta nghĩ rằng hạnh phúc và sự viên mãn của mình chỉ phụ thuộc vào chính mình, tách biệt khỏi người khác. Trong những trường hợp như vậy, người nghèo có thể đóng vai trò như những người thầy thầm lặng cho chúng ta, khiến chúng ta ý thức được sự kiêu ngạo của mình và gieo vào lòng chúng ta một tinh thần khiêm nhường chính đáng.

109. Mặc dù đúng là người giàu quan tâm đến người nghèo, nhưng điều ngược lại cũng không kém phần đúng. Đây là một sự thật đáng chú ý được toàn bộ truyền thống Kitô

giáo xác nhận. Cuộc sống thực sự có thể được thay đổi khi nhận ra rằng người nghèo có nhiều điều để dạy chúng ta về Tin mừng và những đòi hỏi của nó. Bằng chứng từ thâm lắng của họ, họ khiến chúng ta đối diện với sự bấp bênh của cuộc sống. Ví dụ, người cao tuổi, với sự yếu đuối về thể chất, nhắc nhở chúng ta về sự mong manh của chính mình, ngay cả khi chúng ta cố gắng che giấu nó đằng sau sự thịnh vượng và vẻ bề ngoài của mình. Người nghèo cũng nhắc nhở chúng ta rằng thái độ kiêu ngạo hung hăng mà chúng ta thường dùng để đối diện với những khó khăn của cuộc sống là vô căn cứ như thế nào. Họ nhắc nhở chúng ta rằng cuộc sống dường như an toàn và chắc chắn của chúng ta có thể bấp bênh và trống rỗng như thế nào. Ở đây một lần nữa, Thánh Grêgôriô Cả có nhiều điều muốn nói với chúng ta: “Đừng ai tự cho mình là an toàn khi nói rằng: ‘Tôi không ăn cắp của người khác, nhưng chỉ đơn giản là hưởng thụ những gì thuộc về mình’. Người giàu không bị trừng phạt vì đã lấy của người khác, nhưng vì, trong khi sở hữu khối tài sản kếp xù như vậy, ông ta đã trở nên nghèo nàn về mặt nội tâm. Đây thực sự là lý do khiến ông ta bị kết án xuống hỏa ngục: trong sự thịnh vượng của mình, ông ta không còn ý thức về công lý; sự giàu có mà ông ta nhận được khiến ông ta kiêu ngạo và đánh mất hết lòng cảm thương.” [120]

110. Đối với chúng ta, những người Kitô hữu, vấn đề người nghèo dẫn đến chính cốt lõi của đức tin. Thánh Gioan Phaolô II đã dạy rằng việc ưu tiên lựa chọn người nghèo, tức là tình yêu thương của Giáo hội dành cho người nghèo, “là điều thiết yếu đối với Giáo hội và là một phần trong truyền thống liên tục của Giáo hội, và thúc đẩy Giáo hội chú ý đến một thế giới mà người nghèo đói đang đe dọa lan tràn trên diện rộng bất chấp những tiến bộ về kỹ thuật và kinh tế.” [121] Đối với các Kitô hữu, người nghèo không phải là một phạm trù xã hội học, mà chính là “xác thịt” của Chúa Kitô. Chỉ tuyên xưng giáo lý về sự Nhập Thể của Thiên Chúa một cách chung chung thì chưa đủ. Để thực sự bước vào mầu nhiệm cao cả này, chúng ta cần hiểu rõ rằng Chúa đã mặc lấy một xác thịt đói khát, đau yếu và tù đầy. “Một Giáo Hội nghèo vì người nghèo bắt đầu bằng việc vươn tới xác thịt của Chúa Kitô. Nếu chúng ta vươn tới xác thịt của Chúa Kitô, chúng ta bắt đầu hiểu được điều gì đó, hiểu được sự nghèo khó này, sự nghèo khó của Chúa, thực sự là gì; và điều này không hề dễ dàng.” [122]

111. Tự bản chất, Giáo Hội liên đới với người nghèo, người bị loại trừ, người bị gạt ra ngoài lề xã hội và tất cả những ai bị xã hội ruồng bỏ. Người nghèo là trung tâm của Giáo Hội bởi vì “niềm tin của chúng ta vào Chúa Kitô, Đấng đã trở nên nghèo khó, và luôn gần gũi với người nghèo và người bị ruồng bỏ, là nền tảng cho mối quan tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của những thành viên bị lãng quên nhất trong xã hội.” [123] Trong tâm hồn chúng ta, chúng ta gặp thấy “nhu cầu phải lắng nghe lời kêu gọi này, phát sinh từ hành động giải phóng của ân sủng trong mỗi người chúng ta, và do đó, đây không phải là vấn đề của một sứ mệnh chỉ dành riêng cho một số ít.” [124]

112. Đôi khi, các phong trào hoặc nhóm Kitô giáo xuất hiện nhưng lại ít hoặc không quan tâm đến lợi ích chung của xã hội, đặc biệt là việc bảo vệ và thăng tiến những thành viên dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất. Tuy nhiên, chúng ta không bao giờ được quên rằng tôn

giáo, đặc biệt là Kitô giáo, không thể bị giới hạn trong phạm vi riêng tư, như thể các tín hữu không có quyền lên tiếng về các vấn đề ảnh hưởng đến xã hội dân sự và các vấn đề liên quan đến các thành viên của mình. [125]

113. Thật vậy, “bất cứ cộng đồng Giáo hội nào, nếu nghĩ rằng mình có thể thoải mái đi theo con đường riêng mà không có sự quan tâm sáng tạo và hợp tác hữu hiệu trong việc giúp đỡ người nghèo sống trong phẩm giá và tiếp cận với mọi người, thì cũng sẽ có nguy cơ tan vỡ, bất kể họ có nói về các vấn đề xã hội hay chỉ trích chính phủ bao nhiêu đi nữa. Họ sẽ dễ dàng trôi dạt vào một tính thể tục tâm linh được ngụy trang bằng các hoạt động tôn giáo, các cuộc họp không hữu hiệu và những lời nói suông.” [126]

114. Vấn đề không chỉ đơn thuần là cung cấp hỗ trợ phúc lợi và nỗ lực đảm bảo công bằng xã hội. Người Kitô hữu cũng nên nhận thức được một hình thức mâu thuẫn khác trong cách họ đối xử với người nghèo. Trên thực tế, “sự phân biệt đối xử tồi tệ nhất mà người nghèo phải chịu đựng là thiếu sự chăm sóc về mặt tinh thần... Lựa chọn ưu tiên của chúng ta dành cho người nghèo chủ yếu phải được chuyển thành một sự chăm sóc tôn giáo đặc quyền và ưu tiên.” [127] Tuy nhiên, sự quan tâm về mặt tinh thần này đối với người nghèo đang bị đặt dấu hỏi, ngay cả trong giới Kitô hữu, bởi một số định kiến phát sinh từ việc chúng ta thấy dễ dàng hơn trong việc làm ngơ trước người nghèo. Có những người nói: “Nhiệm vụ của chúng ta là cầu nguyện và giảng dạy giáo lý lành mạnh.” Tách biệt khía cạnh tôn giáo này với phát triển toàn diện, họ thậm chí còn nói rằng chính phủ có trách nhiệm chăm sóc họ, hoặc tốt hơn là không nên giúp họ thoát khỏi cảnh nghèo đói mà chỉ cần dạy họ cách làm việc. Đôi khi, những dữ liệu giả khoa học được viện dẫn để củng cố cho tuyên bố rằng một nền kinh tế thị trường tự do sẽ tự động giải quyết vấn đề nghèo đói. Hoặc thậm chí chúng ta nên chọn công tác mục vụ với cái gọi là giới tinh hoa, bởi vì, thay vì lãng phí thời gian cho người nghèo, tốt hơn nên chăm sóc người giàu, người có ảnh hưởng và chuyên gia, để với sự giúp đỡ của họ, những giải pháp thực sự có thể được tìm ra và Giáo hội có thể cảm thấy được bảo vệ. Thật dễ dàng để nhận thấy tính thể tục đằng sau những lập trường này, điều này sẽ dẫn chúng ta đến việc nhìn nhận thực tế qua lăng kính hời hợt, thiếu ánh sáng từ trên cao, và vun đắp những mối quan hệ mang lại cho chúng ta sự an toàn và vị thế đặc quyền.

Bổ thí ngày nay

115. Tôi muốn kết thúc bằng cách nói đôi điều về việc bổ thí, một việc làm ngày nay không được nhìn nhận một cách tích cực ngay cả trong số các tín hữu. Nó không chỉ hiếm khi được thực hành mà thậm chí đôi khi còn bị coi thường. Tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng cách quan trọng nhất giúp đỡ người yếu thế là hỗ trợ họ tìm được một công việc tốt, để họ có thể sống một cuộc sống xứng đáng hơn bằng cách phát triển khả năng và đóng góp công bằng. Theo nghĩa này, “thiếu việc làm không chỉ đơn thuần là không có nguồn thu nhập ổn định. Công việc cũng vậy, nhưng còn hơn thế nữa. Nhờ lao động, chúng ta trở nên trọn vẹn hơn, nhân tính của chúng ta phát triển, người trẻ chỉ trưởng thành nhờ lao động. Học thuyết xã hội của Giáo hội luôn coi lao động của con người là sự tham gia vào

công trình sáng tạo của Thiên Chúa, công trình này vẫn tiếp tục mỗi ngày, cũng nhờ đôi tay, khối óc và trái tim của người lao động.” [128] Mặt khác, khi điều này không thể thực hiện được, chúng ta không thể liều lĩnh bỏ mặc người khác với số phận thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu cho một cuộc sống xứng đáng. Do đó, việc bố thí, trong lúc này, vẫn là một phương tiện cần thiết để tiếp xúc, gặp gỡ và tương cảm với những người kém may mắn.

116. Những ai được thúc đẩy bởi lòng bác ái đích thực đều hiểu rõ rằng việc bố thí không miễn trừ trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền, không xóa bỏ nghĩa vụ của các cơ quan chính phủ trong việc chăm sóc người nghèo, hay làm giảm đi những nỗ lực chính đáng nhằm đảm bảo công lý. Việc bố thí ít nhất cũng cho chúng ta cơ hội dừng lại trước người nghèo, nhìn vào mắt họ, chạm vào họ và chia sẻ một phần nào đó của chính mình với họ. Trong mọi trường hợp, việc bố thí, dù khiêm tốn đến đâu, cũng mang đến một chút lòng thương xót (pietas) trong một xã hội vốn bị đánh dấu bởi sự theo đuổi lợi ích cá nhân điên cuồng. Theo lời của Sách Châm Ngôn: “Phước cho người bố thí, vì họ chia sẻ cơm bánh với người nghèo” (22:9).

117. Cả Cựu Ước và Tân Ước đều có những bài thánh ca ca ngợi việc bố thí: “Hãy kiên nhẫn với những người đang trong hoàn cảnh khó khăn, và đừng để họ chờ đợi sự bố thí của con... Hãy tích trữ của bố thí trong kho tàng của con, và nó sẽ cứu con khỏi mọi tai ương” (Hc 29:8,12). Chính Chúa Giêsu cũng nói thêm: “Hãy bán tài sản của con mà bố thí. Hãy sắm cho mình những túi tiền không bao giờ cũ, một kho tàng không bao giờ cạn ở trên trời, nơi kẻ trộm không bén mảng và mối mọt không làm hư nát” (Lc 12:33).

118. Thánh Gioan Kim Khẩu nổi tiếng với câu nói: “Bố thí là đôi cánh của lời cầu nguyện. Nếu bạn không cung cấp cho lời cầu nguyện của mình đôi cánh, nó sẽ khó mà bay được.” [129] Tương tự như vậy, Thánh Gregoriô Ory thành Nazianzus đã kết thúc một trong những bài diễn văn nổi tiếng của mình bằng những lời này: “Hỡi các tôi tớ của Chúa Kitô, anh em và đồng thừa kế của Người, nếu anh em nghĩ rằng tôi có điều gì muốn nói, chúng ta hãy đến thăm Chúa Kitô bất cứ khi nào có thể; hãy chăm sóc Người, cho Người ăn, mặc, chào đón Người, tôn kính Người, không chỉ trong bữa ăn, như một số người đã làm, hay bằng cách xức dầu cho Người, như Maria đã làm, hay chỉ bằng cách cho Người mượn mộ, như Giuse thành Arimathia, hay bằng cách sắp xếp việc chôn cất Người, như Ni-cô-đê-mô, người đã yêu Chúa Kitô một cách hời hợt, hay bằng cách dâng cho Người vàng, nhũ hương và mộc dược, như các nhà thông thái trước tất cả những người này. Chúa của muôn loài xin lòng thương xót, chứ không phải hy lễ... Vậy chúng ta hãy tỏ lòng thương xót Người nơi những người nghèo và những người hôm nay đang nằm trên mặt đất, để khi chúng ta rời khỏi thế gian này, họ có thể đón nhận chúng ta vào nơi ở vĩnh cửu.” [130]

119. Tình yêu thương và niềm tin sâu sắc nhất của chúng ta cần được vun đắp liên tục, và chúng ta làm điều đó thông qua những hành động cụ thể của mình. Việc cứ mãi quần quanh trong những ý tưởng và lý thuyết, trong khi không phát biểu chúng qua những

hành động bác ái thường xuyên và thiết thực, cuối cùng sẽ khiến ngay cả những hy vọng và khát vọng ập ủ nhất của chúng ta cũng trở nên yếu đuối và tan biến. Chính vì lý do này, chúng ta, những người Kitô hữu, không được từ bỏ việc bố thí. Việc này có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, và chắc chắn sẽ hữu hiệu hơn, nhưng nó phải được tiếp tục. Ít nhất thì làm một điều gì đó vẫn tốt hơn là không làm gì cả. Dù dưới bất cứ hình thức nào, việc bố thí sẽ chạm đến và làm mềm mại trái tim chai đá của chúng ta. Nó sẽ không giải quyết được vấn đề nghèo đói trên thế giới, nhưng nó vẫn phải được thực hiện, với sự thông minh, siêng năng và trách nhiệm xã hội. Về phần mình, chúng ta cần bố thí như một cách để vươn tới và chạm đến những mảnh đời khốn khổ của người nghèo.

120. Tình yêu Kitô giáo phá vỡ mọi rào cản, mang những người xa cách lại gần nhau, kết nối những người xa lạ và hòa giải kẻ thù. Nó vượt qua những vực thẳm mà con người không thể vượt qua, và nó thâm nhập vào những khe hở sâu thẳm nhất của xã hội. Bản chất của tình yêu Kitô giáo là tiên tri: nó làm nên những điều kỳ diệu và không có giới hạn. Nó biến những điều tưởng chừng như không thể thành có thể. Tình yêu, trên hết, là một cách nhìn nhận cuộc sống và một cách sống. Một Giáo hội không đặt ra giới hạn cho tình yêu, không biết đến kẻ thù nào để chiến đấu nhưng chỉ biết yêu thương con người, chính là Giáo hội mà thế giới ngày nay cần đến.

121. Qua công việc của anh chị em, những nỗ lực thay đổi các cấu trúc xã hội bất công, hay qua cử chỉ gần gũi và hỗ trợ chân thành, giản dị của anh chị em, người nghèo sẽ nhận ra rằng lời Chúa Giêsu được ngỏ với từng người trong số họ: “Ta đã yêu thương các con” (Kh 3:9).

Ban hành tại Rôma, tại Đền thờ Thánh Phêrô, ngày 4 tháng 10, Lễ kính Thánh Phanxicô Assisi, năm 2025, năm đầu tiên trong triều đại Giáo hoàng của tôi.

LEO PP. XIV

[1] Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10 năm 2024), 170: AAS 116 (2024), 1422.

[2] *Cùng nguồn*, 171: AAS 116 (2024), 1422-1423.

[3] Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 tháng 3 năm 2018), 96: AAS 110 (2018), 1137.

[4] Đức Phanxicô, *Tiếp kiến các Đại diện Truyền thông* (16/03/2013): AAS 105 (2013), 381.

- [5] J. Bergoglio - A. Skorka, *Sobre el cielo y la Tierra*, Buenos Aires 2013, 214.
- [6] Đức Phaolô VI, *Bài giảng trong Thánh lễ Phiên họp công khai cuối cùng của Công đồng Vatican II* (7/12/1965): AAS 58 (1966), 55-56.
- [7] Xem Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 187: AAS 105 (2013), 1098.
- [8] *Cùng nguồn*, 212: AAS 105 (2013), 1108.
- [9] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 23: AAS 112 (2020), 977.
- [10] *Cùng nguồn*, 21: AAS 112 (2020), 976.
- [11] Hội đồng Cộng đồng Châu Âu, *Quyết định (85/8/EEC) về Hành động cụ thể của Cộng đồng nhằm chống lại nghèo đói* (19 tháng 12 năm 1984), Bài 1(2): Tạp chí chính thức của Cộng đồng Châu Âu, số L 24/2.
- [12] X. Đức Gioan Phaolô II, *Bài Giáo Lý* (27 tháng 10 năm 1999): L'Osservatore Romano, 28 tháng 10 năm 1999, 4.
- [13] Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 197: AAS 105 (2013), 1102.
- [14] Xem Đức Phanxicô, *Sứ điệp Ngày Thế giới Người nghèo lần thứ 5* (13 tháng 6 năm 2021), 3: AAS 113 (2021), 691: “Chúa Giêsu không chỉ đứng về phía người nghèo; Người còn chia sẻ số phận của họ. Đây là một bài học sâu sắc cho các môn đệ của Người trong mọi thời đại.”
- [15] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 186: AAS 105 (2013), 1098.
- [16] Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 tháng 3 năm 2018), 95: AAS 110 (2018), 1137.
- [17] *Như trên*, 97: AAS 110 (2018), 1137.
- [18] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 194: AAS 105 (2013), 1101.
- [19] Đức Phanxicô, *Tiếp kiến các Đại diện Truyền thông* (16 tháng 3, 2013): AAS 105 (2013), 381.

- [20] Công đồng Vatican II, Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, 8.
- [21] Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 48: AAS 105 (2013), 1040.
- [22] Trong chương này, một số chứng từ này được đưa ra. Điều này không được thực hiện một cách đầy đủ, không phải chỉ để chứng minh rằng sự quan tâm đến người nghèo luôn là đặc điểm của sự hiện diện của Giáo hội trên thế giới. Một suy tư sâu sắc hơn về sự quan tâm dành cho những người túng thiếu nhất có thể được tìm thấy trong cuốn sách sau: V. Paglia, *Storia della povertà*, Milan 2014.
- [23] Xem Ambrose, *De officiis ministrorum* I, chương 41, 205-206: CCSL 15, Turnhout 2000, 76-77; II, chương 28, 140-143: CCSL 15, 148-149.
- [24] *Cùng nguồn*, II, chương 28, 140: CCSL 15, 148.
- [25] *Cùng nguồn*.
- [26] *Cùng nguồn*, II, chương 10. 28, 142: CCSL 15, 148.
- [27] Ignatius Antioch, *Epistula ad Smyrnaeos*, 6, 2: SC 10bis, Paris 2007, 136-138.
- [28] Polycarp, *Epistula ad Philippenses*, 6, 1: SC 10bis, 186.
- [29] Justin, *Apologia prima*, 67, 6-7: SC 507, Paris 2006, 310.
- [30] John Chrysostom, *Homiliae in Matthaëum*, 50, 3: PG 58, Paris 1862, 508.
- [31] *Như trên*. 50, 4: PG 58, 509.
- [32] John Chrysostom, *Homilia in Epistula ad Hebraeos*, 11, 3 : PG 63, Paris 1862, 94.
- [33] John Chrysostom, *Homilia II De Lazaro*, 6: PG 48, Paris 1862, 992.
- [34] Ambrose, *De Nabuthae*, 12, 53: CSEL 32/2, Praha-Vienna-Leipzig 1897, 498.
- [35] Augustine, *Enarrationes in Psalmos*, 125, 12: CSEL 95/3, Vienna 2001, 181.
- [36] Augustine, *Sermo LXXXVI*, 5: CCSL 41Ab, Turnhout 2019, 411-412.
- [37] Pseudo-Augustine, *Sermo CCCLXXXVIII*, 2: PL 39, Paris 1862, 1700.

- [38] Cyprian, *De Mortalitate*, 16: CCSL 3A, Turnhout 1976, 25.
- [39] Đức Phanxicô, *Sứ điệp Ngày Thế giới Bệnh nhân lần thứ 30* (10 tháng 12 năm 2021), 3: AAS 114 (2022), 51.
- [40] Camillus de Lellis, *Nội quy của Dòng Thừa tác viên Bệnh nhân*, 27: M. Vanti (ed.), *Scritti di San Camillo de Lellis*, Milan 1965, 67.
- [41] Louise de Marillac, *Thư gửi các chị Claudia Carré và Maria Gaudoin* (28 tháng 11 năm 1657): E. Charpy (ed.), *Sainte Louise de Marillac. Écrits*, Paris 1983, 576.
- [42] Basil Cả, *Regulae fusius traatae*, 37, 1: PG 31, Paris 1857, 1009 C-D.
- [43] *Regula Benedicti*, 53, 15: SC 182, Paris 1972, 614.
- [44] John Cassian, *Collationes*, XIV, 10: CSEL 13, Vienna 2004, 410.
- [45] Bênêđictô XVI, *Giáo lý* (21 tháng 10 năm 2009): L'Osservatore Romano, 22 tháng 10 năm 2009, 1.
- [46] X. Innocent III, Sắc lệnh *Operante divinae dispositionis* – Nguyên tắc Nguyên thủy của Ba Ngôi (17 tháng 12 năm 1198), 2: J.L. Aurrecoechea – A. Moldón (biên tập), *Fuentes históricas de la Orden Trinitaria* (s. XII-XV), Córdoba 2003, 6: “Mọi thứ, bất kể nguồn gốc hợp pháp nào, anh em phải chia thành ba phần bằng nhau. Trong chừng mực hai phần là đủ, anh em phải thực hiện các công việc bác ái từ chúng, cũng như cung cấp một mức sống vừa phải cho bản thân và các thành viên gia đình cần thiết. Phần thứ ba được dành để chuộc những người bị giam cầm vì đức tin vào Chúa Kitô.”
- [47] Xem *Hiến pháp Dòng Thương Xót*, số 10. 14: Orden de la Bienaventurada Virgen María de la Merced, *Regla y Constituciones*, Rome 2014, 53: “Để hoàn thành sứ mệnh này, được thúc đẩy bởi lòng bác ái, chúng ta hiến dâng mình cho Thiên Chúa với một lời khấn đặc biệt, được gọi là Cứu Chuộc, nhờ đó chúng ta hứa sẽ hiến dâng mạng sống mình, nếu cần, như Chúa Kitô đã hiến dâng mạng sống của Người cho chúng ta, để cứu những Kitô hữu đang ở trong nguy cơ cực độ đánh mất đức tin vào những hình thức nô lệ mới.”
- [48] X. Thánh Gioan Baotixita Conception, *La regla de la Orden de la Santísima Trinidad*, XX, 1: BAC Maior 60, Madrid, 1999, 90: “Về điểm này, người nghèo và tù nhân giống như Chúa Kitô, Đáng gánh chịu mọi đau khổ của thế gian... Dòng Ba Ngôi Chí Thánh này triệu tập họ và mời gọi họ đến uống nước của Đáng Cứu Thế, điều đó có nghĩa là, nếu Chúa Kitô treo trên thập giá là sự cứu chuộc và cứu rỗi cho con người, thì Dòng đã nhận lấy sự cứu chuộc này và muốn phân phát cho người nghèo, cứu rỗi và giải thoát các tù nhân.”

[49] X. Thánh Gioan Baotixita Conception, *El recogimiento interior*, XL, 4: BAC Maior 48, Madrid 1995, 689: “Ý chí tự do làm cho con người được tự do và làm chủ mọi loài thụ tạo, nhưng, lạy Chúa, biết bao nhiêu người, bằng cách này, trở thành nô lệ và tù nhân của ma quỷ, bị giam cầm và xiềng xích bởi những đam mê và dục vọng của họ.”

[50] Đức Phanxicô, *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 48* (8 tháng 12 năm 2014), 3: AAS 107 (2015), 69.

[51] Đức Phanxicô, *Gặp gỡ các Cảnh sát viên Cảnh sát, Người bị giam giữ và Tình nguyện viên* (Verona, ngày 18 tháng 5 năm 2024): AAS 116 (2024), 766.

[52] Honorius III, Bull *Solet annuere – Regula bullata* (29 tháng 11 năm 1223), chap. VI: SC 285, Paris 1981, 192.

[53] X. Gregory IX, Bull *Sicut Manifestum est* (17 tháng 9 năm 1228), 7: SC 325, Paris 1985, 200: “Sicut igitur supplicastis, altissimae paupertatis propositum vestrum favore apostolico roboramus, auctoritate vobis praesentium indulgentes, ut recipere possessiones a nullo compelli possitis.”

[54] X. S.C. Tugwell, (ed.), *Các Tu Sĩ Đa Minh sơ khai. Những bài viết chọn lọc*, Mahwah 1982, 16-19.

[55] Thomas thành Celano, *Vita Seconda, pars prima*, cap. IV, 8: AnalFranc, 10, Florence 1941, 135.

[56] Đức Phanxicô, *Diễn văn sau chuyến viếng thăm mộ Don Lorenzo Milani*, (Barbiana, 20 tháng 6 năm 2017), 2: AAS 109 (2017), 745.

[57] Đức Gioan Phaolô II, *Diễn văn gửi người tham dự Tổng Hội Dòng Giáo Sĩ Nghèo Thường Trục của Dòng Đức Mẹ Thiên Chúa của các Trường Đạo Đức* (Piarists) (5 tháng 7 năm 1997), 2: L'Osservatore Romano, 6 tháng 7 năm 1997, 5.

[58] *Cùng nguồn*.

[59] Đức Gioan Phaolô II, *Bài giảng trong Thánh lễ Phong thánh* (18 tháng 4 năm 1999): AAS 91 (1999), 930.

[60] X. Đức Gioan Phaolô II, Thư *Iuvenum Patris* (31 tháng 1 năm 1988), 9: AAS 80 (1988), 976.

[61] X. Đức Phanxicô, *Diễn văn với những người tham gia Tổng Tu nghị của Viện Bác ái* (Rosminians) (1 tháng 10 năm 2018): L'Osservatore Romano, 1-2 tháng 10 năm 2018, 7.

[62] Đức Phanxicô, *Bài giảng trong Thánh lễ phong thánh* (9 tháng 10 năm 2022): AAS 114 (2022), 1338.

[63] Đức Gioan Phaolô II, *Thông điệp gửi Hội Nữ tu Truyền giáo Thánh Tâm* (31 tháng 5, 2000), 3: L'Osservatore Romano, 16 tháng 7, 2000, 5.

[64] X. Đức Piô XII, *Đoản sắc Bề Superior Iam Aetate* (8 tháng 9 năm 1950): AAS 43 (1951), 455-456.

[65] Đức Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn lần thứ 105* (27 tháng 5 năm 2019): AAS 111 (2019), 911.

[66] Đức Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn lần thứ 100* (5 tháng 8 năm 2013): AAS 105 (2013), 930.

[67] Thánh Teresa Calcutta, *Diễn văn nhân dịp trao Giải Nobel Hòa bình* (Oslo, 10 tháng 12 năm 1979): Aimer jusqu'à en avoir mal, Lyon 2017, 19-20.

[68] Đức Gioan Phaolô II, *Diễn văn với những người hành hương đến Rôma để phong chân phước cho Mẹ Teresa* (20 tháng 10, 2003), 3: L'Osservatore Romano, 20-21 tháng 10, 2003, 10.

[69] Đức Phanxicô, *Bài giảng Thánh lễ và phong thánh* (13 tháng 10 năm 2019): AAS 111 (2019), 1712.

[70] Đức Gioan Phaolô II, *Tông thư Novo Millennio Ineunte* (6-01-2001), 49: AAS 93 (2001), 302.

[71] Đức Phanxicô, *Tông huấn Christus Vivit* (25 tháng 3 năm 2019), 231: AAS 111 (2019), 458.

[72] Đức Phanxicô, *Diễn văn với những người tham gia Cuộc gặp gỡ Thế giới về các Phong trào Bình dân* (28 tháng 10 năm 2014): AAS 106 (2014), 851-852.

[73] *Cùng nguồn*: AAS 106 (2014), 859.

[74] Đức Phanxicô, *Diễn văn gửi các tham dự viên Hội nghị Thế giới của các Phong trào Bình dân* (ngày 5 tháng 11 năm 2016): L'Osservatore Romano, ngày 7-8 tháng 11 năm 2016, 5.

[75] *Cùng nguồn*.

[76] Đức Gioan XXIII, *Sứ điệp Phát thanh gửi toàn thể tín hữu Kitô giáo một tháng trước khi khai mạc Công đồng Chung Vatican II* (ngày 11 tháng 9 năm 1962): AAS 54 (1962), 682.

[77] G. LERCARO, *Can thiệp tại Đại hội đồng XXXV của Công đồng Chung Vatican II* (ngày 6 tháng 12 năm 1962), 2: AS I/IV, 327-328.

[78] *Cùng nguồn*, 4: AS I/IV, 329.

[79] Viện Khoa học Tôn giáo (ed.), *Per la forza dello Spirito*. Thảo luận về ĐHY Giacomo Lercaro, Bologna 1984, 115.

[80] Phaolô VI, *Diễn văn khai mạc long trọng Khóa thứ hai của Công đồng Vatican II* (29 tháng 9 năm 1963): AAS 55 (1963) 857.

[81] Phaolô VI, *Giáo Lý* (11/11/1964): Insegnamenti di Paolo VI, II (1964), 984.

[82] Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, 69, 71.

[83] Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 23: AAS 59 (1967), 269.

[84] X. *Cùng nguồn*, 4: AAS 59 (1967), 259.

[85] Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 42: AAS 80 (1988), 572.

[86] *Cùng nguồn*, AAS 80 (1988), 573.

[87] Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14/09/1981), 3: AAS 73 (1981), 584.

[88] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/6/2009), 7: AAS 101 (2009), 645.

[89] *Cùng nguồn*, 27: AAS 101 (2009), 661.

[90] Đại hội đồng lần thứ hai của Các Giám Mục Châu Mỹ Latinh, *Tài liệu Medellín* (24 tháng 10 năm 1968), 14, n. 7: Celam, Medellin. Kết luận, Lima 2005, 131-132.

[91] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 202: AAS 105 (2013), 1105.

- [92] *Cùng nguồn*, 205: AAS 105 (2013), 1106.
- [93] *Cùng nguồn*, 190: AAS 105 (2013), 1099.
- [94] *Cùng nguồn*, 56: AAS 105 (2013), 1043.
- [95] Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10 năm 2024), 183: AAS 116 (2024), 1427.
- [96] Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 41: AAS 83 (1991), 844-845.
- [97] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 202: AAS 105 (2013), 1105.
- [98] *Đã dẫn*.
- [99] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 22: AAS 112 (2020), 976.
- [100] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 209: AAS 105 (2013), 1107.
- [101] Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5 năm 2015), 50: AAS 107 (2015), 866.
- [102] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 210: AAS 105 (2013), 1107.
- [103] Đức Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5 năm 2015), 43: AAS 107 (2015), 863.
- [104] *Cùng nguồn*, 48: AAS 107 (2015), 865.
- [105] Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 180: AAS 105 (2013), 1095.
- [106] Bộ Giáo lý Đức tin, *Huấn thị về Một số Khía cạnh của "Thần học Giải phóng"* (6 tháng 8 năm 1984) XI, 18: AAS 76 (1984), 907-908.
- [107] Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ Latinh và Caribe, *Văn kiện Aparecida*, (29 tháng 6 năm 2007), số 392, Bogotá 2007, tr. 179-180. So sánh Đức Bênêđictô XVI, *Diễn văn khai mạc Phiên họp của Đại hội đồng lần thứ năm của các*

Giám mục Mỹ Latinh và Caribe (13 tháng 5 năm 2007), 3: AAS 99 (2007), 450.

[108] Xem Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ Latinh và Caribe, *Văn kiện Aparecida* (29 tháng 6 năm 2007), số 43-87, trang 31-47.

[109] Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ Latinh và Caribe, *Thông điệp cuối cùng* (29 tháng 5 năm 2007), số 4, Bogotá 2007, trang 275.

[110] Đại hội đồng lần thứ năm của các Giám mục Mỹ Latinh và Caribe, *Văn kiện Aparecida* (29 tháng 6 năm 2007), số 398, trang 31-47. 182.

[111] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 199: AAS 105 (2013), 1103-1104.

[112] *Cùng nguồn*, 198: AAS 105 (2013), 1103.

[113] *Như trên*.

[114] Đại hội lần thứ năm của các Giám mục Châu Mỹ Latinh và vùng Caribe, *Tài liệu Aparecida* (29 tháng 6 năm 2007), n. 397, tr. 182.

[115] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 64: AAS 112 (2020), 992.

[116] Đức Phanxicô, Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 tháng 3 năm 2018), 98: AAS 110 (2018), 1137.

[117] Đức Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10 năm 2020), 65-66: AAS 112 (2020), 992.

[118] Gregory Cả, *Homilia* 40, 10: SC 522, Paris 2008, 552-554.

[119] *Như trên*, 6: SC 522, 546.

[120] *Như trên*, 3: SC 522, 536.

[121] Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 57: AAS 83 (1991), 862-863.

[122] Đức Phanxicô, *Đêm canh thức Lễ Hiện Xuống với các Phong trào Giáo hội* (18 tháng 5 năm 2013): L'Osservatore Romano 20-21 tháng 5 năm 2013, 5.

[123] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng* (24/11/2013), 186: AAS 105 (2013),

1098.

[124] *Cùng nguồn*, 188: AAS 105 (2013), 1099.

[125] X. *Cùng nguồn*, 182-183: AAS 105 (2013), 1096-1097.

[126] *Cùng nguồn*, 207: AAS 105 (2013), 1107.

[127] *Cùng nguồn*, 200: AAS 105 (2013), 1104.

[128] Đức Phanxicô, *Diễn văn tại cuộc gặp gỡ với các đại diện của Thế giới Lao động tại Nhà máy Ilva ở Genoa* (27 tháng 5 năm 2017): AAS 109 (2017), 613.

[129] Pseudo-Chrysostom, *Homilia de Jejuniō et Eleemosyna*: PG 48, 1060.

[130] Gregory Nazianzus, *Oratio XIV*, 40: PG 35, Paris 1886, 910.